

TỔNG HỢP GIAO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số: 511/QĐ-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Trung ương giao năm 2024	Địa phương giao năm 2024	Ghi chú
1	2	3	4	5
	TỔNG SỐ (A+B)	1.596.030	1.932.030	
I	TRUNG ƯƠNG GIAO NĂM 2024	1.596.030	1.632.030	
1	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	573.030	573.030	
2	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	1.000.000	1.035.000	
	Tổng số thu tiền sử dụng đất các huyện, thành phố:		1.300.000	<i>Phân bổ theo Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND ngày 28/02/2023 của HĐND tỉnh</i>
	<i>Trong đó:</i>			
2.1	Chi đầu tư (a+b+c)		1.035.000	
a)	<i>Ngân sách cấp huyện</i>		509.220	
b)	<i>Ngân sách cấp tỉnh</i>		525.780	
	Trong đó:			
-	<i>Xây dựng Nông thôn mới</i>		335.780	
-	<i>Đầu tư xây dựng đường cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 1), đoạn qua tỉnh Tuyên Quang</i>		40.000	
-	<i>Hỗ trợ thực hiện tiêu chí đô thị loại I đối với thành phố Tuyên Quang</i>		100.000	<i>Văn bản số 4442/UBND-ĐTĐD ngày 28/10/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh</i>
-	<i>Nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách tỉnh được hưởng theo phân cấp tại điểm b khoản 4 Điều 4 Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 15/12/2021, còn lại chưa phân bổ chi tiết</i>		50.000	<i>Dự kiến bố trí thực hiện xây dựng nông thôn mới</i>
2.2	Chi cho công tác đo đạc, lập CSDL hồ sơ địa chính và cấp GCN quyền sử dụng đất		115.000	
2.3	Ghi thu ghi, chi tiền thuê đất, sử dụng đất		150.000	
3	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	23.000	24.000	
II	ĐỊA PHƯƠNG BỔ SUNG VỐN ĐẦU TƯ NĂM 2024	-	300.000	
1	Nguồn tăng thu NS, nguồn tiết kiệm chi thường xuyên chuyển sang chi đầu tư		300.000	

BIỂU GIAO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số: 511/QĐ-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)

Đơn vị : Triệu đồng

STT	TÊN CÔNG TRÌNH	Thời gian KC - HT	Giá trị dự án được phê duyệt	Giá trị dự toán được phê duyệt	Giá trị trúng thầu xây lắp +CPXD CB# +DBGPMB	Giá trị quyết toán đã được phê duyệt	Vốn đã bố trí đến năm 2023	KẾ HOẠCH 2024 (THEO NGUỒN VỐN)						CHỦ ĐẦU TƯ	GHI CHÚ	
								Tổng số	XDCB vốn tập trung trong nước	Nguồn thu từ Xổ số Kiến thiết	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng Đất					Nguồn tăng thu NS, nguồn tiết kiệm chi thường xuyên chuyển sang chi đầu tư
											Tổng số	Ngân sách cấp huyện hưởng theo phân cấp	Ngân sách cấp tỉnh hưởng theo phân cấp			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12=13+14	13	14	15	16	17
	TỔNG SỐ							1.932.030,0	573.030,0	24.000,0	1.035.000,0	509.220,0	525.780,0	300.000,0		
I	VỐN PC CHO CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ QUẢN LÝ							546.720,0	37.500,0		509.220,0	509.220,0				
I.1	CHI XÂY DỰNG CƠ BẢN VỐN TẬP TRUNG TRONG NƯỚC							37.500,0	37.500,0							
1	Huyện Na Hang							5.100,0	5.100,0							UBND huyện, thành phố khi phân bổ vốn đầu tư: Hỗ trợ xây dựng nhà văn hóa thôn bản, tổ dân phố; làm đường thôn và đường nội đồng (Thực hiện Nghị quyết số 55/NQ-HĐND ngày 20/11/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh); Vốn đối ứng, đầu tư xây dựng công trình thuộc 03 Chương trình MTQG, lập và điều chỉnh quy hoạch.
2	Huyện Lâm Bình							5.000,0	5.000,0							
3	Huyện Chiêm Hoá							6.300,0	6.300,0							
4	Huyện Hàm Yên							4.800,0	4.800,0							
5	Huyện Yên Sơn							6.400,0	6.400,0							
6	Huyện Sơn Dương							6.200,0	6.200,0							
7	Thành phố Tuyên Quang							3.700,0	3.700,0							UBND thành phố Tuyên Quang ưu tiên hỗ trợ xây dựng nhà văn hóa tổ dân phố; bố trí vốn chuẩn bị đầu tư dự án Xây dựng đường Lý Thái Tổ, thành phố Tuyên Quang .
I.2	VỐN ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT							509.220,0			509.220,0	509.220,0				
1	Huyện Na Hang							7.500,0			7.500,0	7.500,0				Thực hiện theo Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND ngày 28/02/2023 của HĐND tỉnh
2	Huyện Lâm Bình							8.250,0			8.250,0	8.250,0				
3	Huyện Chiêm Hoá							26.250,0			26.250,0	26.250,0				
4	Huyện Hàm Yên							42.120,0			42.120,0	42.120,0				
5	Huyện Yên Sơn							54.600,0			54.600,0	54.600,0				
6	Huyện Sơn Dương							152.100,0			152.100,0	152.100,0				
7	Thành phố Tuyên Quang							218.400,0			218.400,0	218.400,0				
	<i>Trong đó:</i>															
-	<i>Chi trả nợ gốc và lãi từ nguồn thu tiền sử dụng đất của thành phố Tuyên Quang</i>							<i>4.248,0</i>			<i>4.248,0</i>	<i>4.248,0</i>				
II	CHI TRẢ NỢ GỐC KHOẢN VAY LẠI CỦA NGÂN SÁCH CẤP TỈNH							2.363,0	2.363,0							
III	CHI TRẢ NỢ LÃI VAY CỦA NGÂN SÁCH CẤP TỈNH							726,0	726,0							Chi trả nợ gốc và lãi Chương trình đô thị MNPB
IV	HỖ TRỢ KIẾN CỐ HÓA KÊNH MƯƠNG (THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 09/NQ-HĐND NGÀY 15/12/2020 CỦA HĐND TỈNH)				194.558,0		155.800,00	35.000,00	15.000,0					20.000,0	Có kế hoạch phân bổ riêng	Năm 2024 bố trí vốn thanh toán khối lượng hoàn thành năm 2022, 2023): 35.000 tr.đ
IV	ĐỀ ÁN BỀ TÔNG HÓA ĐƯỜNG GTNT VÀ XÂY DỰNG CẦU TRÊN ĐƯỜNG GTNT GIAI ĐOẠN 2021-2025						239.410,4	106.670,5	96.670,487					10.000,0		

STT	TÊN CÔNG TRÌNH	Thời gian KC - HT	Giá trị dự án được phê duyệt	Giá trị dự toán được phê duyệt	Giá trị trúng thầu xây lắp +CPXD CB# + ĐBGPMB	Giá trị quyết toán đã được phê duyệt	Vốn đã bố trí đến năm 2023	KẾ HOẠCH 2024 (THEO NGUỒN VỐN)						CHỦ ĐẦU TƯ	GHI CHÚ	
								Tổng số	XDCB vốn tập trung trong nước	Nguồn thu từ Xổ số Kiến thiết	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng Đất					Nguồn tăng thu NS, nguồn tiết kiệm chi thường xuyên chuyển sang chi đầu tư
											Tổng số	Ngân sách cấp huyện hưởng theo phân cấp	Ngân sách cấp tỉnh hưởng theo phân cấp			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12=13+14	13	14	15	16	17
1	Cầu trên đường GTNT			351.000,0			151.000,0	80.670,5	70.670,487					10.000,0	Sở Giao thông Vận tải (Có kế hoạch phân bổ chi tiết riêng)	Năm 2024, xây dựng 45 cầu; Dự kiến nhu cầu kinh phí: 105.750 tr.đồng;
2	Đường thôn và đường nội đồng			117.514,4			88.410,4	26.000,0	26.000,0						Các huyện, thành phố (Có kế hoạch phân bổ chi tiết riêng)	Năm 2024 thực hiện 209 km đường (đường thôn: 128,0 km; đường nội đồng: 81,0 km); Tổng nhu cầu vốn: 60.020 tr.đồng; Dự kiến nguồn XDCB vốn tập trung trong nước 25.000 tr.đồng.
V	CÔNG TRÌNH DỰ KIẾN HOÀN THÀNH, BÀN GIAO ĐƯA VÀO SỬ DỤNG TRƯỚC NGÀY 31/12/2023						4.405.232,40	90.794,605	67.507,605	930,00				22.357,000		36 công trình
V.1	Công trình đã phê duyệt quyết toán			958.560,0	871.724,0		908.783,7	861.929,9	12.777,2	1.076.806				11.700,352		14 công trình
1	Trụ sở UBND xã Vĩnh Lợi, huyện Sơn Dương	2021-2023	10.000,0	10.000,00		9.573,04	9.500,0	73,042	73,042						UBND huyện Sơn Dương	
2	Trụ sở UBND xã Trung Yên, huyện Sơn Dương	2021-2023	10.000,0	9.810,557		9.810,56	9.625,0	185,557	185,557						UBND huyện Sơn Dương	
3	Trụ sở UBND xã Bình Yên, huyện Sơn Dương	2021-2023	10.000,0	9.629,412		9.629,41	9.584,417	44,995	44,995						UBND huyện Sơn Dương	
4	Trụ sở UBND xã Bạch Xa, huyện Hàm Yên	2021-2023	10.000,0	10.000,00		9.837,871	9.500,0	337,871	337,871						UBND huyện Hàm Yên	
5	Trụ sở UBND xã Thành Long, huyện Hàm Yên	2021-2023	10.000,0	10.000,00		9.935,341	9.500,0	435,341	435,341						UBND huyện Hàm Yên	
6	Dự án xây dựng cầu Tinh Húc vượt sông Lô, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang	2017-2020	852.219,54	822.284,00		803.671,00	766.977,0	3.000,0					3.000,0	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình giao thông		
7	Xây dựng trường PTDT bán trú THCS Sinh Long và các hạng mục phục trợ, huyện Na Hang	2019-2021	12.568,63			12.568,63	10.950,00	1.236,000					1.236,0	UBND huyện Na Hang		
8	Quy hoạch và San nền trường PTDT bán trú THCS Thượng Nông ở địa điểm mới	2019-2020	5.491,03			5.491,03	5.344,48	146,552					146,552	UBND huyện Na Hang		
9	Kê suối Nặm Mường xã Côn Lôn	2020-2021	3.611,45			3.611,45	2.670,00	941,449					941,449	UBND huyện Na Hang		
10	Nhà lớp học Trường PTDT nội trú huyện Na Hang và các hạng mục phụ trợ	2019-2021	7.614,88			7.614,88	5.615,00	1.999,876					1.999,876	UBND huyện Na Hang		
11	Sửa chữa, nâng cấp Trụ sở Đảng ủy, HĐND và UBND xã Thượng Giáp	2020-2021	2.198,92			2.198,92	1.225,00	973,919					973,919	UBND huyện Na Hang		
12	Xây dựng Trường PTDT bán trú Tiểu học và THCS Thượng Nông	2019-2021	13.850,49			13.850,49	13.442,00	408,491					408,491	UBND huyện Na Hang		
13	Nhà ở bán trú học sinh Trường PTDT bán trú Tiểu học và THCS Thượng Nông	2019-2021	6.268,07			6.268,07	4.230,00	2.038,065					2.038,065	UBND huyện Na Hang		
14	Nâng cấp, cải tạo công chính Bộ CHQS tỉnh	2013	4.737,00			4.723,00	3.767,00	956,000					956,000	Bộ CHQS tỉnh		
V.2	Công trình chưa phê duyệt quyết toán			5.479.889,22	1.615.236,78	3.416.584,69	3.543.302,50	78.017,45	66.430,799	930,00				10.656,648		22 công trình
1	Xây dựng hạ tầng khu vực bến thủy vùng lòng hồ thủy điện Tuyên Quang và cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ cầu Ba Đạo đi qua Hang Khảo đến bến thủy lòng hồ thủy điện Tuyên Quang, huyện Na Hang.	2021-2023	44.980,00	44.979,72			35.168,18	2.000,00	2.000,00					UBND huyện Na Hang		

STT	TÊN CÔNG TRÌNH	Thời gian KC - HT	Giá trị dự án được phê duyệt	Giá trị dự toán được phê duyệt	Giá trị trúng thầu xây lắp +CPXD CB# + ĐBGPMB	Giá trị quyết toán đã được phê duyệt	Vốn đã bố trí đến năm 2023	KẾ HOẠCH 2024 (THEO NGUỒN VỐN)							CHỦ ĐẦU TƯ	GHI CHÚ
								Tổng số	XDCB vốn tập trung trong nước	Nguồn thu từ Xổ số Kiến thiết	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng Đất			Nguồn tăng thu NS, nguồn tiết kiệm chi thường xuyên chuyển sang chi đầu tư		
											Tổng số	Ngân sách cấp huyện hưởng theo phân cấp	Ngân sách cấp tỉnh hưởng theo phân cấp			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12=13+14	13	14	15	16	17
2	Đầu tư xây dựng đường trục phát triển đô thị từ thành phố Tuyên Quang đi trung tâm huyện Yên Sơn (Km14QL2 Tuyên Quang - Hà Giang)	2021-2023	699.340,00	699.340,00	647.364,00		544.349,68	38.076,32	38.076,32						BQL dự án ĐTXD các công trình giao thông tỉnh TQ	
3	Dự án đầu tư xây dựng đường cao tốc Tuyên Quang - Phú Thọ kết nối với cao tốc Nội Bài - Lào Cai	2021-2024	3.735.000,00		2.483.848,00		2.310.350,00								BQL dự án ĐTXD các công trình giao thông	
4	Cải tạo, sửa chữa tuyến đường ĐH.04 đoạn từ Quốc lộ 279 đến Trung tâm xã Hồng Thái, huyện Na Hang	2021-2023	43.950,00	43.950,00			31.000,00	10.000,00	10.000,00						UBND huyện Na Hang	
5	Đường Yên Phú đi Yên Lâm, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang	2022-2023	6.000,00	3.100,00			3.100,00								UBND huyện Hàm Yên	
6	Xây dựng trụ sở Ban Tiếp công dân tỉnh Tuyên Quang	2021-2023	18.356,21	18.356,21			16.500,00	1.500,00	1.500,00						Văn phòng UBND tỉnh	
7	Xây dựng căn cứ chiến đấu gia đình trong diễn tập KVPT tỉnh Tuyên Quang năm 2023	2023	31.907,10				27.600,00	3.500,00					3.500,00	Bộ CHQS tỉnh		
8	Kho bảo quản vật chứng là vũ khí, vật liệu nổ	2019-2020	3.980,7				2.700,00	1.000,00					1.000,00	Bộ CHQS tỉnh		
9	Xây dựng Nhà làm việc của Báo Tuyên Quang	2021-2023	34.912,00	34.912,00			30.000,00	4.000,00	4.000,00					Báo Tuyên Quang		
10	Xây dựng Trung tâm ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ tỉnh Tuyên Quang	2016-2020	45.373,870	45.373,870			42.000,00	1.000,00	1.000,00					Sở Khoa học và Công nghệ		
11	Xây dựng Khoa Dân tộc nội trú Trường Cao đẳng nghề kỹ thuật - công nghệ Tuyên Quang (Hạng mục Nhà ký túc xá học sinh - sinh viên (I-9), nhà ăn và các hạng mục phụ trợ)	2021-2023	45.000,00	29.200,00			24.000,00	2.000,00	2.000,00					Trường Cao đẳng nghề kỹ thuật - công nghệ Tuyên Quang		
12	Xây dựng và sửa chữa Trường THPT Trung Sơn, huyện Yên Sơn.	2021-2023	13.492,26	13.492,26			12.070,00	930,00	930,00					Sở Giáo dục và đào tạo		
13	Cải tạo, Sửa chữa trụ sở làm việc của Sở Y tế	2022-2023	4.962,00				4.400,00							Sở Y tế		
14	Dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi và phát huy giá trị Di tích lịch sử quốc gia đặc biệt Tân Trào, tỉnh Tuyên Quang gắn với phát triển du lịch đến năm 2025	2020-2024	180.769,43	138.656,02			91.700,00							Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch		
15	Công trình phát huy giá trị di tích tại khu Di tích lịch sử quốc gia đặc biệt Tân Trào, huyện Sơn Dương (năm 2020 Xây dựng khu đón tiếp khách)						10.500,00									
16	Cải tạo, nâng cấp Quảng trường Tân Trào						25.500,00									
17	Khu tưởng niệm các vị tiền bối cách mạng			138.656,02			30.000,00									
18	Xây dựng Bảo tàng Tân Trào và Phòng chiếu phim						25.700,00									
19	Dự án Chương trình phát triển khu vực nông thôn tỉnh Tuyên Quang	2019-2023	413.916,70	254.850,00	245.500,00		149.204,37	4.154,48	4.154,479					Ban điều phối các dự án vốn nước ngoài tỉnh	Vốn viện trợ không hoàn lại của Chính phủ Hàn Quốc thông qua KOICA	
20	Dự án đầu tư ứng dụng Công nghệ thông tin tỉnh tuyên quang tiến tới cuộc cách mạng 4.0, giai đoạn 2021 – 2025.	2021-2023	9.076,27	9.076,27			8.300,0	700,0	700,0					Sở Thông tin và truyền thông		
21	ĐTXD cơ sở Hạ tầng Khu du lịch sinh thái Na Hang	2016-2020	100.000,00	92.421,73			87.000,0	6.156,6					6.156,6	UBND huyện Na Hang		
22	Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021-2020 tầm nhìn đến năm 2050	2020-2021	48.872,69	48.872,69	39.872,69		32.160,27	3.000,00	3.000,00					Sở Kế hoạch và Đầu tư		

STT	TÊN CÔNG TRÌNH	Thời gian KC - HT	Giá trị dự án được phê duyệt	Giá trị dự toán được phê duyệt	Giá trị trùng đầu xây lắp +CPXD CB# + ĐBGPMB	Giá trị quyết toán đã được phê duyệt	Vốn đã bố trí đến năm 2023	KẾ HOẠCH 2024 (THEO NGUỒN VỐN)							CHỦ ĐẦU TƯ	GHI CHÚ
								Tổng số	XDCB vốn tập trung trong nước	Nguồn thu từ Xổ số Kiến thiết	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng Đất			Nguồn tăng thu NS, nguồn tiết kiệm chi thường xuyên chuyển sang chi đầu tư		
											Tổng số	Ngân sách cấp huyện hưởng theo phân cấp	Ngân sách cấp tỉnh hưởng theo phân cấp			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12=13+14	13	14	15	16	17
VI	HOÀN TRẢ ỨNG TRƯỚC KẾ HOẠCH VỐN						5.700,50	150.000,00	150.000,00							01 công trình
1	Dự án đầu tư xây dựng đường cao tốc Tuyên Quang - Phú Thọ kết nối với cao tốc Nội Bài - Lào Cai	2021-2024	3.712.970,00		2.483.848,00		2.310.350,00	150.000,00	150.000,00							BQL dự án ĐTXD các công trình giao thông
VII	CÔNG TRÌNH CHUYÊN TIẾP		9.873.516,43	1.143.162,68	310.088,61		3.806.296,79	308.809,02	151.496,018	17.670,00			40.000,00	99.643,00		33 công trình
VII.1	CÔNG TRÌNH DỰ KIẾN HOÀN THÀNH NĂM 2024		2.572.705,85	1.143.162,68	310.088,61		1.040.646,79	194.596,14	90.714,138	17.670,00				86.212,00		20 công trình
VII.1.1	Công nghiệp		950.096,56	339.834,78	257.718,06		244.258,36	10.000,00	10.000,00							
1	Dự án cấp điện nông thôn từ lưới điện Quốc gia tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2013 -2020	2013-2025	950.096,56	339.834,78	257.718,06		244.258,36	10.000,00	10.000,00						Sở Công Thương	
-	Ưu tiên đầu tư công trình cấp điện cho thôn chưa có điện lưới Quốc gia: Công trình đường dây và trạm biến áp cấp điện cho xã Trung Minh, huyện Yên Sơn	2024-2025		15.000,00	15.000,00			10.000,00	10.000,00						Sở Công Thương	
VII.1.2	Nông, lâm nghiệp, thủy lợi		425.452,78	54.213,80	34.963,55		206.604,46	22.000,00	22.000,00							
1	Dự án di dân khẩn cấp ra khỏi vùng lũ quét, lũ ống, sạt lở đất rừng phòng hộ đầu nguồn tại thôn Ngòi Cái, xã Tiến Bộ, huyện Yên Sơn		83.238,98				52.420,00	10.000,00	10.000,00						UBND huyện Yên Sơn	
2	Dự án đầu tư di dân khẩn cấp ra khỏi vùng thiên tai nguy hiểm, đặc biệt khó khăn thôn Khâu Tinh, Tát Kê xã Khâu Tinh, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang		88.000,00				50.000,00	10.000,00	10.000,00						UBND huyện Na Hang	
3	Dự án di dân khẩn cấp tại xóm Dùm, phường Nông Tiến, Thành phố Tuyên Quang		54.213,80	54.213,80	34.963,55		37.084,46	2.000,00	2.000,00						UBND Thành phố Tuyên Quang	Bổ trí vốn hoàn thành dự án theo Văn bản số 4188/UBND-ĐTXD ngày 30/8/2023
4	Kè chống sạt lở bờ suối xã Côn Lôn, huyện Na Hang	2020-2024	120.000,00				48.100,00								UBND huyện Na Hang	Năm 2020 bố trí từ nguồn dự phòng NSTW: 48.000 trđ
5	Dự án Khẩn cấp di dân ra khỏi vùng thiên tai nguy hiểm, đặc biệt khó khăn thôn Bản Bung, xã Thanh Tương, huyện Na Hang		80.000,00				19.000,00								UBND huyện Na Hang	Năm 2020 bố trí từ nguồn dự phòng NSTW: 12.000 trđ
VII.1.3	Giao thông		336.300,00	177.649,70			130.066,40	38.000,00						38.000,00		
1	Cải tạo nâng cấp đường Phúc Thịnh - Trung Hà - Bản Ba, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang (bổ trí thanh toán khối lượng hoàn thành giai đoạn 1).	2021-2024	238.300,00	79.649,70			55.019,00	38.000,00						38.000,00	UBND huyện Chiêm Hóa	Bổ trí từ nguồn tăng thu NS, tiết kiệm chi thường xuyên chuyển sang chi đầu tư
-	Bổ trí thanh toán khối lượng hoàn thành giai đoạn 1							18.000,00						18.000,00		
-	Bổ trí vốn thực hiện giai đoạn 2 dự án Cải tạo nâng cấp đường Phúc Thịnh - Trung Hà - Bản Ba, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang (bổ trí thanh toán khối lượng hoàn thành giai đoạn 2).							20.000,00						20.000,00	UBND huyện Chiêm Hóa	
2	Xây dựng đường giao thông từ Trường Tiểu Học xã Khuôn Hà đến đèo Kéo Ráo thôn Nả Vàng, xã Khuôn Hà, huyện Lâm Bình	2021-2024	98.000,00	98.000,00			75.047,40								UBND huyện Lâm Bình	
VII.1.4	Quản lý Nhà nước		186.773,85	90.490,00			139.600,00	31.900,00	30.900,00					1.000,00		
1	Trụ sở làm việc của Huyện ủy và khối dân, huyện Chiêm Hóa	2021-2023	50.981,00	50.981,00			44.100,00	5.900,00	5.900,00						VP Huyện ủy Chiêm Hóa	
2	Đầu tư xây dựng Nhà công vụ Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	2021-2023	39.509,00	39.509,00			35.500,00	1.000,00						1.000,00	Bộ CHQS tỉnh	
3	Đầu tư xây dựng Cơ sở làm việc phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, tại địa điểm mới	2021-2024	96.283,85				60.000,00	25.000,00	25.000,00						Công an tỉnh	

STT	TÊN CÔNG TRÌNH	Thời gian KC - HT	Giá trị dự án được phê duyệt	Giá trị dự toán được phê duyệt	Giá trị trúng thầu xây lắp +CPXDDB# + ĐBGPMB	Giá trị quyết toán đã được phê duyệt	Vốn đã bố trí đến năm 2023	KẾ HOẠCH 2024 (THEO NGUỒN VỐN)							CHỦ ĐẦU TƯ	GHI CHÚ
								Tổng số	XDCB vốn tập trung trong nước	Nguồn thu từ Xổ số Kiến thiết	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng Đất			Nguồn tăng thu NS, nguồn tiết kiệm chi thường xuyên chuyển sang chi đầu tư		
											Tổng số	Ngân sách cấp huyện hưởng theo phân cấp	Ngân sách cấp tỉnh hưởng theo phân cấp			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12=13+14	13	14	15	16	17
VII.1.5	Giáo dục - Đào tạo		330.333,72	325.333,72			168.983,00	59.030,14	9.148,14	17.670,00				32.212,00		
1	Cải tạo, nâng cấp Trường Tiểu học và THCS Lê Văn Hiến tại xã Tú Thịnh, huyện Sơn Dương	2021-2024	69.523,72	69.523,72			36.433,00	32.212,00						32.212,00	Sở Tài chính	
2	Sửa chữa, cải tạo nhà làm việc của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Tuyên Quang	2023	5.000,00				2.050,00	2.500,00	2.500,00						Sở Giáo dục và Đào tạo	
3	Xây dựng Trường THPT Chuyên Tuyên Quang tại địa điểm mới	2021-2024	255.810,00	255.810,00			130.500,00	24.318,14	6.648,14	17.670,00					Sở Giáo dục và Đào tạo	Năm 2024, NSTW bố trí 19.500 triệu đồng
VII.1.6	Văn hóa - Xã hội		223.148,94	129.040,68	17.407,00		120.334,00	30.666,00	15.666,00					15.000,00		
1	Dự án Nhà làm việc, trung tâm kỹ thuật và nhà studio của Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Tuyên Quang	2020-2024	87.148,94	87.148,94			74.734,00	7.666,00	7.666,00						Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Tuyên Quang	
2	Xây dựng công, trạm gác bảo vệ, hàng rào và thiết bị nội thất các phòng làm việc của Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh	2023-2024	5.000,00				4.000,00								Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Tuyên Quang	
3	Quy hoạch bảo quản tu bổ phát huy giá trị danh lam thắng cảnh Quốc gia đặc biệt Khu bảo tồn thiên nhiên Na Hang- Lâm Bình	2023-2024	8.000,00				1.000,00								Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	
4	Tu bổ, nâng cấp nghĩa trang liệt sỹ huyện Hàm Yên	2019-2022	38.000,00				2.600,00	8.000,00	8.000,00						UBND huyện Hàm Yên	
5	Xây dựng đường giao thông từ thôn Nà Vàng, xã Khuôn Hà ra bến thủy hồ thủy điện Tuyên Quang thuộc Dự án đầu tư cơ sở hạ tầng Khu du lịch sinh thái thuộc huyện Lâm Bình	2016-2020	85.000,00		17.407,00		38.000,00	15.000,00						15.000,00	UBND huyện Lâm Bình	Dự án sử dụng vốn NSTW
VII.1.7	Công nghệ thông tin		120.600,00	26.600,00			30.800,57	3.000,00	3.000,00							
1	Đề án ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin nâng cao hiệu quả quản lý hoạt động cho hệ thống chính trị trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, giai đoạn 2020-2025; trong đó:	2021-2025	120.600,00	26.600,00			30.800,57	3.000,00	3.000,00						Sở Thông tin và truyền thông	Năm 2021: 11.800 trđ cấp cho huyện, thanh phố qua QĐ giao dự toán ngân sách
	- Dự án triển khai mở rộng hệ thống hội nghị giao ban điện tử tỉnh Tuyên Quang đến cấp xã			26.600,00			25.800,57									
	- Xây dựng Nền tảng chính quyền số tỉnh Tuyên Quang.						5.000,00									
	- Nâng cấp hạ tầng Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh TQ															
VII.2	CÔNG TRÌNH DỰ KIẾN HOÀN THÀNH SAU NĂM 2024		7.300.810,58				2.765.650,00	114.212,88	60.781,880				40.000,00	13.431,00		13 Công trình
VII.2.1	Giao thông - đô thị		6.814.545,32				2.432.700,00	44.931,00	1.500,00				40.000,00	3.431,00		
1	Đầu tư xây dựng đường cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang, giai đoạn 1 - đoạn qua tỉnh Tuyên Quang	2021-2025	6.800.000,00				2.430.000,00	40.000,00					40.000,00		Ban QLDA ĐTXD các công trình giao thông	Năm 2023, Vốn NSTW chương trình phục hồi và phát triển KTXH: 2.430 tỷ đồng
2	Đường giao thông nông thôn vào vùng sản xuất nông nghiệp tập trung kết hợp phát triển du lịch sinh thái thôn Bản Bung, xã Thanh Tương, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang.		14.545,32				2.700,00	4.931,00	1.500,00					3.431,00	UBND huyện Na Hang	
VII.2.2	Quản lý Nhà nước		194.685,26				110.100,00	29.000,00	19.000,00					10.000,00		
1	Cải tạo nâng cấp nhà khách Kim Bình, Văn phòng Tỉnh ủy	2023-2024	38.000,00				10.000,00	10.000,00						10.000,00	Văn phòng Tỉnh ủy	

STT	TÊN CÔNG TRÌNH	Thời gian KC - HT	Giá trị dự án được phê duyệt	Giá trị dự toán được phê duyệt	Giá trị trùng đầu xây lắp +CPXD CB# + ĐBGPMB	Giá trị quyết toán đã được phê duyệt	Vốn đã bố trí đến năm 2023	KẾ HOẠCH 2024 (THEO NGUỒN VỐN)						CHỦ ĐẦU TƯ	GHI CHÚ	
								Tổng số	XDCB vốn tập trung trong nước	Nguồn thu từ Xổ số Kiến thiết	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng Đất					Nguồn tăng thu NS, nguồn tiết kiệm chi thường xuyên chuyển sang chi đầu tư
											Tổng số	Ngân sách cấp huyện hưởng theo phân cấp	Ngân sách cấp tỉnh hưởng theo phân cấp			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12=13+14	13	14	15	16	17
2	Dự án cơ sở làm việc của Công an 50 xã trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (Xây dựng 09 Trụ sở làm việc Công an 09 xã, gồm: xã Hồng Quang , xã Phúc Yên , huyện Lâm Bình; xã Linh Phú , huyện Chiêm Hóa; xã Đại Phú , huyện Sơn Dương; xã Yên Lâm , xã Minh Hương , huyện Hàm Yên; xã Kim Quan , huyện Yên Sơn; Thị trấn Na Hang , huyện Na Hang; xã Kim Phú , thành phố Tuyên Quang).	2022-2024	44.980,00				20.100,00	19.000,00	19.000,00						Công an tỉnh	
3	Cải tạo, nâng cấp Trung tâm huấn luyện dự bị động viên tỉnh Tuyên Quang	2014-2025	111.705,259				80.000,00								Bộ CHQS tỉnh	
VII.2.3	Giáo dục - Đào tạo		18.000,00				6.750,00	5.000,00	5.000,00							
1	Cải tạo, nâng cấp trường chính trị tỉnh Tuyên Quang	2021-2024	18.000,00				6.750,00	5.000,00	5.000,00						Ban QLDA ĐTXD các công trình Dân dụng và công nghiệp	
2	Xây dựng Trường phổ thông Dân tộc nội trú THCS và THPT huyện Na Hang	2021-2025	109.292,65												UBND huyện Na Hang	(Vốn tập đoàn điện lực Việt Nam tài trợ: 50.000 trđ; Vốn CTMT quốc gia phát triển KTXH vùng đồng bào DTTS: 33.763 trđ; vốn NSDP: 25.100 trđ)
3	Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp trường Trung học phổ thông Dân tộc nội trú tỉnh Tuyên Quang	2023-2024	18.000,00				8.050,00								Ban QLDA ĐTXD các công trình Dân dụng và công nghiệp	
VII.2.4	Y tế		236.300,00				181.700,00	8.000,00	8.000,00							
1	Bệnh viện phục hồi chức năng Hương Sen, tỉnh Tuyên Quang (địa điểm mới)	2023-2024	18.000,00				4.200,00	8.000,00	8.000,00						Ban QLDA ĐTXD các công trình Dân dụng và công nghiệp	
2	Dự án Bệnh viện Suối khoáng Mỹ Lâm, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang	2021-2024	208.000,00				170.000,00								Sở Y tế	Tổng mức đầu tư dự án 208,0 tỷ đồng; Lũy kế vốn đã bố trí 168,0 tỷ đồng, trong đó năm 2024 vốn NSTW: 26,0 tỷ đồng
3	Sửa chữa, cải tạo nhà điều trị 3 tầng, Nhà khám chữa bệnh 3 tầng thuộc Trung tâm y tế huyện Na Hang	2023-2024	10.300,00				7.500,00								Ban QLDA ĐTXD các công trình Dân dụng và công nghiệp	
VII.2.5	Công nghệ thông tin		37.280,00				5.000,00									
1	Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan đảng tỉnh Tuyên Quang, giai đoạn 2021-2025	2023-2025	37.280,00				5.000,00								Văn phòng Tỉnh ủy	
VII.2.6	Văn hóa, xã hội							10.000,00	10.000,00							
1	Dự án đầu tư xây dựng Khu thể thao văn hóa và quảng trường trung tâm huyện Lâm Bình.	2023-2025	44.500,00					10.000,00	10.000,00						UBND huyện Lâm Bình	
VII.2.7	Quy hoạch						29.400,00	17.281,88	17.281,88							
1	Lập Quy hoạch chung đô thị mới trên địa bàn tỉnh		34.306,49	27.348,97			19.400,00	5.261,25	5.261,25							
1.1	Đồ án quy hoạch hoàn thành năm 2023		15.755,21	15.755,21			14.400,00	1.261,25	1.261,25							
(1)	Lập quy hoạch chung đô thị, xã Sơn Nam, huyện Sơn Dương	2022-2023	2.300,82	2.300,82			2.100,00								Sở Xây dựng	
(2)	Lập quy hoạch chung đô thị, xã Hồng Lạc, huyện Sơn Dương	2022-2023	1.950,29	1.950,29			1.800,00	140,83	140,83						Sở Xây dựng	

STT	TÊN CÔNG TRÌNH	Thời gian KC - HT	Giá trị dự án được phê duyệt	Giá trị dự toán được phê duyệt	Giá trị trúng thầu xây lắp +CPXD CB# + ĐBGPMB	Giá trị quyết toán đã được phê duyệt	Vốn đã bố trí đến năm 2023	KẾ HOẠCH 2024 (THEO NGUỒN VỐN)							CHỦ ĐẦU TƯ	GHI CHÚ
								Tổng số	XDCB vốn tập trung trong nước	Nguồn thu từ Xổ số Kiến thiết	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng Đất			Nguồn tăng thu NS, nguồn tiết kiệm chi thường xuyên chuyển sang chi đầu tư		
											Tổng số	Ngân sách cấp huyện hưởng theo phân cấp	Ngân sách cấp tỉnh hưởng theo phân cấp			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12=13+14	13	14	15	16	17
(3)	Lập quy hoạch chung đô thị, xã Thượng Lâm, huyện Lâm Bình	2022-2023	2.300,82	2.300,82			2.100,00	178,52	178,52						Sở Xây dựng	
(4)	Lập quy hoạch chung đô thị, xã Đà Vị, huyện Na Hang	2022-2023	2.300,82	2.300,82			2.100,00	192,52	192,52						Sở Xây dựng	
(5)	Lập quy hoạch chung đô thị, xã Hòa Phú, huyện Chiêm Hóa	2022-2023	2.300,82	2.300,82			2.100,00	189,52	189,52						Sở Xây dựng	
(6)	Lập quy hoạch chung đô thị, xã Phù Lưu, huyện Hàm Yên	2022-2023	2.300,82	2.300,82			2.100,00	192,52	192,52						Sở Xây dựng	
(7)	Lập quy hoạch chung đô thị, xã Thái Sơn, huyện Hàm Yên	2022-2023	2.300,82	2.300,82			2.100,00	188,82	188,82						Sở Xây dựng	
(8)	Lập quy hoạch chung đô thị, xã Mỹ Bằng, huyện Yên Sơn	2022-2023	2.300,82	2.300,82			2.100,00	178,52	178,52						Sở Xây dựng	
1.2	Đề án quy hoạch dự kiến hoàn thành năm 2024		11.651,28	11.593,76			5.000,00	2.500,00	2.500,00							
(1)	Lập quy hoạch chung đô thị, xã Trung Môn, huyện Yên Sơn	2023-2024	2.389,36	2.389,36			1.000,00	500,00	500,00						Sở Xây dựng	
(2)	Lập quy hoạch chung đô thị, xã Xuân Vân, huyện Yên Sơn	2023-2024	2.315,48	2.315,48			1.000,00	500,00	500,00						Sở Xây dựng	
(3)	Lập quy hoạch chung đô thị, xã Ngọc Hội, huyện Chiêm Hóa	2023-2024	2.315,48	2.270,74			1.000,00	500,00	500,00						Sở Xây dựng	
(4)	Lập quy hoạch chung đô thị, xã Tân Trào, huyện Sơn Dương	2023-2024	2.315,48	2.312,44			1.000,00	500,00	500,00						Sở Xây dựng	
(5)	Lập quy hoạch chung đô thị, xã Phúc Sơn, huyện Lâm Bình	2023-2024	2.315,48	2.305,74			1.000,00	500,00	500,00						Sở Xây dựng	
1.3	Đề án quy hoạch dự kiến thực hiện năm 2024		6.900,00					1.500,00	1.500,00							
(1)	Lập quy hoạch chung đô thị, xã Yên Hoa, huyện Na Hang	2024-2025	2.300,00					500,00	500,00						Sở Xây dựng	
(2)	Lập quy hoạch chung đô thị, xã Kim Bình, huyện Chiêm Hóa	2024-2025	2.300,00					500,00	500,00						Sở Xây dựng	
(3)	Lập quy hoạch chung đô thị, xã Trung Hà, huyện Chiêm Hóa	2024-2025	2.300,00					500,00	500,00						Sở Xây dựng	
2	Lập quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị thuộc khu vực có ý nghĩa quan trọng trong các đô thị trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang		29.718,03	22.983,53			10.000,00	12.020,63	12.020,63							Từ nguồn XDCB vốn tập trung trong nước bố trí lập quy hoạch chung các đô thị theo Nghị quyết của cấp ủy tỉnh
2.1	Đề án quy hoạch hoàn thành năm 2023		7.594,63	7.594,63			3.200,00	4.330,99	4.330,99							
(1)	Khu đô thị thương mại dịch vụ Trung Việt		1.511,64	1.511,64			600,00	909,64	909,64						Sở Xây dựng	
(2)	Khu đô thị LUXURY PARK VIEWS		1.562,49	1.562,49			500,00	1.049,59	1.049,59						Sở Xây dựng	
(3)	Khu đô thị An Phú		1.123,66	1.123,66			600,00	514,63	514,63						Sở Xây dựng	
(4)	Khu đô thị mới Ý La		1.235,00	1.235,00			500,00	707,73	707,73						Sở Xây dựng	
(5)	Quy hoạch chi tiết xây dựng Khu nhà ở Hưng Thành		708,32	708,32			500,00	199,69	199,69						Sở Xây dựng	
(6)	Quy hoạch chi tiết xây dựng Khu đô thị Tân Hà		1.453,53	1.453,53			500,00	949,71	949,71						Sở Xây dựng	
2.2	Đề án quy hoạch hoàn thành năm 2024		15.388,90	15.388,90			6.800,00	4.262,34	4.262,34							
(1)	Khu đô thị Tân Quang City1		1.647,45	1.647,45			600,00	1.032,50	1.032,50						Sở Xây dựng	
(2)	Khu đô thị Tân Trào		1.347,00	1.347,00			500,00	759,00	759,00						Sở Xây dựng	

STT	TÊN CÔNG TRÌNH	Thời gian KC - HT	Giá trị dự án được phê duyệt	Giá trị dự toán được phê duyệt	Giá trị trúng thầu xây lắp +CPXD CB# + ĐBGPMB	Giá trị quyết toán đã được phê duyệt	Vốn đã bố trí đến năm 2023	KẾ HOẠCH 2024 (THEO NGUỒN VỐN)							CHỦ ĐẦU TƯ	GHI CHÚ
								Tổng số	XDCB vốn tập trung trong nước	Nguồn thu từ Xổ số Kiến thiết	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng Đất			Nguồn tăng thu NS, nguồn tiết kiệm chi thường xuyên chuyển sang chi đầu tư		
											Tổng số	Ngân sách cấp huyện hưởng theo phân cấp	Ngân sách cấp tỉnh hưởng theo phân cấp			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12=13+14	13	14	15	16	17
(3)	Chỉnh trang đô thị tổ 9 phường Ý La (Khu dân cư Quán Hùng)		920,63	920,63			500,00	415,67	415,67						Sở Xây dựng	
(4)	Khu Nhà ở Phường Ý La		640,00	640,00			500,00	101,00	101,00						Sở Xây dựng	
(5)	Khu Dân cư Tân Trào		725,26	725,26			500,00								Sở Xây dựng	
(6)	Chỉnh trang đô thị tổ 6 phường Nông Tiến		517,55	517,55			500,00	17,22	17,22						Sở Xây dựng	
(7)	Chỉnh trang đô thị tổ dân phố Tân Yên, thị trấn Tân Yên		725,26	725,26			500,00	225,26	225,26						Sở Xây dựng	
(8)	Khu dân cư mới tại xã Trung Môn		717,87	717,87			500,00	217,85	217,85						Sở Xây dựng	
(9)	Khu đô thị Mimosas		1.200,00	1.200,00			500,00	620,00	620,00						Sở Xây dựng	
(10)	Khu dân cư Lý Nhân (tên cũ: Khu đô thị Trung Môn)		1.147,87	1.147,87			600,00	561,84	561,84						Sở Xây dựng	
(11)	Khu đô thị sinh thái Sơn Dương, thị trấn Sơn Dương		1.250,00	1.250,00			600,00								Sở Xây dựng	
(12)	Khu dân cư xã Trung Môn		850,00	850,00			500,00	312,00	312,00						Sở Xây dựng	
(13)	Quy hoạch chung khu phức hợp đô thị nghỉ dưỡng, và dự án Sân golf hồ ngòi Lá tại các xã Chân Sơn, Trung Môn huyện Yên Sơn, xã Kim phú thành phố Tuyên Quang		3.700,00	3.700,00			500,00								Sở Xây dựng	
2.3	Đề án quy hoạch dự kiến thực hiện năm 2024		6.734,50					3.427,30	3.427,30							
(1)	Khu nhà ở đô thị Phương Bắc	2023-2024	844,70					524,70	524,70						Sở Xây dựng	
(2)	Chỉnh trang đô thị tổ dân phố Tân Tiến, thị trấn Tân Tiến	2023-2024	487,80					307,80	307,80						Sở Xây dựng	
(3)	Khu nhà ở dịch vụ thương mại Phú Lâm	2023-2024	487,80					307,80	307,80						Sở Xây dựng	
(4)	Khu đô thị tại xã Lương Vượng, thành phố Tuyên Quang	2023-2024	1.959,10					600,00	600,00						Sở Xây dựng	
(5)	Khu nhà ở và dịch vụ thương mại Ý La.	2023-2024	992,40					500,00	500,00						Sở Xây dựng	
(6)	Khu đô thị tại phường Ý La.	2023-2024	1.212,50					737,00	737,00						Sở Xây dựng	
(7)	Chỉnh trang đô thị tổ dân phố Cầu Mới, thị trấn Tân Yên	2023-2024	750,20					450,00	450,00						Sở Xây dựng	
VIII	CÔNG TRÌNH KHỞI CÔNG MỚI NĂM 2024		724.700,00				53.933,11	82.266,89	44.266,89					38.000,00		13 Công trình
VIII.1	Giao thông - đô thị		629.700,00				48.000,00	50.000,00	32.000,00					18.000,00		
1	Sửa chữa, mở rộng mặt đường tuyến ĐT.185 đoạn từ Km184+510 - Km201+250 (ngã ba Năng Khả giao với QL279, huyện Na Hang đến chân đèo Ái Âu huyện Lâm Bình)	2023-2025	65.800,00				20.000,00	18.000,00						18.000,00	Sở Giao thông vận tải	
2	Dự án nâng cấp, cải tạo đường tỉnh lộ 189, đoạn từ xã Tân Thành - xã Phù Lưu, huyện Hàm Yên (khoảng 11km)	2023-2025	44.900,00				8.000,00	8.000,00	8.000,00						UBND huyện Hàm Yên	
3	Cải tạo, nâng cấp đường ĐH.02 từ xã Đức Ninh - Hùng Đức, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang.	2023-2025	49.500,00				10.000,00	12.000,00	12.000,00						UBND huyện Hàm Yên	
4	Cải tạo, nâng cấp đường ĐH.05 từ xã Thái Sơn - Thành Long - Bằng Cốc - Nhân Mục, huyện Hàm Yên	2023-2025	49.500,00				10.000,00	12.000,00	12.000,00						UBND huyện Hàm Yên	

STT	TÊN CÔNG TRÌNH	Thời gian KC - HT	Giá trị dự án được phê duyệt	Giá trị dự toán được phê duyệt	Giá trị trùng đầu xây lắp +CPXD CB# + ĐBGPMB	Giá trị quyết toán đã được phê duyệt	Vốn đã bố trí đến năm 2023	KẾ HOẠCH 2024 (THEO NGUỒN VỐN)							CHỦ ĐẦU TƯ	GHI CHÚ
								Tổng số	XDCB vốn tập trung trong nước	Nguồn thu từ Xổ số Kiến thiết	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng Đất			Nguồn tăng thu NS, nguồn tiết kiệm chi thường xuyên chuyển sang chi đầu tư		
											Tổng số	Ngân sách cấp huyện hưởng theo phân cấp	Ngân sách cấp tỉnh hưởng theo phân cấp			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12=13+14	13	14	15	16	17
5	Tuyến đường từ thị trấn Sơn Dương đi xã Tân Trào huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang	2023-2025	420.000,00												UBND huyện Sơn Dương	Dự án sử dụng vốn NSTW từ nguồn tăng thu NSTW năm 2022
VIII.2	Văn hóa, xã hội		95.000,00				3.000,00	3.000,00	3.000,00							
1	Xây dựng Trung tâm điều dưỡng người có công tỉnh Tuyên Quang (Năm 2023, bố trí vốn đầu tư để thực hiện công tác bồi thường, GPMB)							3.000,00	3.000,00						Sở Lao Động - Thương Binh và Xã hội	Dự án do Bộ LĐTB&XH đầu tư
2	Dự án Bảo tồn, tôn tạo Khu di tích lịch sử quốc gia đặc biệt Tân Trào, tỉnh Tuyên Quang	2024-2025	95.000,00				3.000,00								Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Vốn NSTW 90.000 tr.đ
VIII.3	Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi						200,00	6.000,00	6.000,00							
1	Xây dựng Hạt kiểm lâm Na Hang	2024-2025					100,00	3.000,00	3.000,00						Sở NN&PTNT	
2	Xây dựng Hạt kiểm lâm Lâm Bình	2024-2025					100,00	3.000,00	3.000,00						Sở NN&PTNT	
VIII.4	Quốc phòng, an ninh							20.000,00						20.000,00		
1	Khảo sát địa hình + Quy hoạch chi tiết xây dựng Trụ sở làm việc Công an 116 xã, thị trấn trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang	2023-2024	34.800,00					20.000,00						20.000,00	Công an tỉnh	Chưa có QĐ phê duyệt CTĐT, dự án
VIII.5	Vốn đối ứng NSDP các Dự án sử dụng vốn ODA						2.733,11	3.266,89	3.266,89							
1	Tăng cường hiệu quả đầu tư và duy trì phát triển đảm bảo bền vững Dự án Chương trình phát triển khu vực nông thôn tỉnh Tuyên Quang do KOICA tài trợ														Ban điều phối các dự án vốn nước ngoài tỉnh	
2	Dự án Phát triển cơ sở hạ tầng thích ứng biến đổi khí hậu để hỗ trợ sản xuất cho đồng bào dân tộc các tỉnh Miền núi, Trung du phía Bắc tỉnh Tuyên Quang						1.733,11	266,89	266,89						Ban điều phối các dự án vốn nước ngoài tỉnh	Sử dụng vốn vay ODA của Nhật Bản (JICA)
3	Chương trình đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở vùng khó khăn do ADB tài trợ.	2019-2025					1.000,00	3.000,00	3.000,00						Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình DD&CN	
IX	CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ		918.295,00				5.733,55	102.000,00	3.000,00	3.000,00				96.000,00		153 Công trình
IX.1	Quản lý Nhà nước		589.500,00				600,00	89.500,00	500,00					89.000,00		
1	Dự án Xây dựng 08 Trụ sở làm việc Công an xã trên địa bàn huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang		40.000,00					12.000,00						12.000,00	Công an tỉnh	Chưa có QĐ phê duyệt CTĐT, dự án
2	Dự án Xây dựng 11 Trụ sở làm việc Công an xã trên địa bàn huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang		55.000,00					16.000,00						16.000,00	Công an tỉnh	Chưa có QĐ phê duyệt CTĐT, dự án
3	Dự án Xây dựng 28 Trụ sở làm việc Công an xã trên địa bàn huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang		140.000,00					42.000,00						42.000,00	Công an tỉnh	Chưa có QĐ phê duyệt CTĐT, dự án
4	Dự án Xây dựng 04 Trụ sở làm việc Công an xã trên địa bàn thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang		20.000,00					6.000,00						6.000,00	Công an tỉnh	Chưa có QĐ phê duyệt CTĐT, dự án
5	Dự án Xây dựng 27 Trụ sở làm việc Công an xã trên địa bàn huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang	2023-2025	135.000,00												Công an tỉnh	Chưa có QĐ phê duyệt CTĐT, dự án

STT	TÊN CÔNG TRÌNH	Thời gian KC - HT	Giá trị dự án được phê duyệt	Giá trị dự toán được phê duyệt	Giá trị trúng thầu xây lắp +CPXD CB# + ĐBGPMB	Giá trị quyết toán đã được phê duyệt	Vốn đã bố trí đến năm 2023	KẾ HOẠCH 2024 (THEO NGUỒN VỐN)						CHỦ ĐẦU TƯ	GHI CHÚ	
								Tổng số	XDCB vốn tập trung trong nước	Nguồn thu từ Xổ số Kiến thiết	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng Đất					Nguồn tăng thu NS, nguồn tiết kiệm chi thường xuyên chuyển sang chi đầu tư
											Tổng số	Ngân sách cấp huyện hưởng theo phân cấp	Ngân sách cấp tỉnh hưởng theo phân cấp			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12=13+14	13	14	15	16	17
6	Dự án Xây dựng 15 Trụ sở làm việc Công an xã trên địa bàn huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang		75.000,00												Công an tỉnh	Chưa có QĐ phê duyệt CTĐT, dự án
7	Dự án Xây dựng 23 Trụ sở làm việc Công an xã trên địa bàn huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang		115.000,00												Công an tỉnh	Chưa có QĐ phê duyệt CTĐT, dự án
8	Sửa chữa nhà làm việc của Báo Tuyên Quang (địa điểm cũ)														Văn phòng Tỉnh ủy	Chưa có QĐ phê duyệt CTĐT, dự án
9	Sửa chữa nhà làm việc của Đảng ủy khối các cơ quan và doanh nghiệp tỉnh														Văn phòng Tỉnh ủy	Chưa có QĐ phê duyệt CTĐT, dự án
10	Dự án sửa chữa Trụ sở Viện kiểm sát nhân dân tỉnh (địa điểm cũ)														Văn phòng Tỉnh ủy	Chưa có QĐ phê duyệt CTĐT, dự án
11	Cải tạo, sửa chữa Trung tâm Hội nghị tỉnh														Văn phòng UBND tỉnh	Chưa có QĐ phê duyệt CTĐT, dự án
12	Đầu tư xây dựng Trụ sở làm việc liên cơ quan														Sở Kế hoạch và Đầu tư	
13	Đầu tư xây dựng mới khối nhà làm việc đảm bảo cơ sở vật chất làm việc cho cán bộ, công chức, viên chức của Sở Tài nguyên và Môi trường							500,00	500,00						Sở TN&MT	
14	Xây dựng trụ sở làm việc của Đảng ủy, HDND, UBND thị trấn Sơn Dương														UBND huyện Sơn Dương	
15	Dự án Hệ thống phần mềm: quản lý kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; quản lý các dự án đầu tư; quản lý hộ kinh doanh, trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang	2023-2024	9.500,00				500,00								Sở Kế hoạch và Đầu tư	
16	Xây dựng trụ sở nhà làm việc trung tâm công nghệ thông tin và truyền thông														Sở Thông tin và truyền thông	
17	Xây dựng Nhà làm việc của Sở Tư Pháp														Sở Tư pháp	
18	Cải tạo hang động tự nhiên bảo đảm cho thực hiện nhiệm vụ quân sự, quốc phòng tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2021-2025 (gồm: Hang cao tại xã Yên Phú, huyện Hàm Yên; Hang Cầu Cỏ, xã Yên Nguyên, huyện Chiêm Hóa; hang Đung tại xã Công Đa, huyện Yên Sơn; hang Tân Tiến 1, xã Tân Tiến huyện Yên Sơn; hang Hùm tại xã Đạo Viện, huyện Yên Sơn)							8.000,00					8.000,00		Bộ CHQS tỉnh	Chưa có QĐ phê duyệt CTĐT, dự án
19	Cải tạo, nâng cấp Bệnh xá Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh						50,00	5.000,00					5.000,00		Bộ CHQS tỉnh	Chưa có QĐ phê duyệt CTĐT, dự án
20	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nội bộ và đường giao thông kết nối vào công trình A-04														Bộ CHQS tỉnh	Chưa có QĐ phê duyệt CTĐT, dự án
21	Hỗ trợ đầu tư xây dựng hệ thống kho thuộc phòng Hậu cần, Công an tỉnh Tuyên Quang						50,00								Công an tỉnh	
22	Trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp, cơ sở ươm tạo doanh nghiệp nhỏ và vừa															
IX.2	Giao thông		279.797,00				100,00	8.000,00	1.000,00				7.000,00			

STT	TÊN CÔNG TRÌNH	Thời gian KC - HT	Giá trị dự án được phê duyệt	Giá trị dự toán được phê duyệt	Giá trị trúng thầu xây lắp +CPXD CB# + ĐBGPMB	Giá trị quyết toán đã được phê duyệt	Vốn đã bố trí đến năm 2023	KẾ HOẠCH 2024 (THEO NGUỒN VỐN)							CHỦ ĐẦU TƯ	GHI CHÚ
								Tổng số	XDCB vốn tập trung trong nước	Nguồn thu từ Xổ số Kiến thiết	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng Đất			Nguồn tăng thu NS, nguồn tiết kiệm chi thường xuyên chuyển sang chi đầu tư		
											Tổng số	Ngân sách cấp huyện hưởng theo phân cấp	Ngân sách cấp tỉnh hưởng theo phân cấp			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12=13+14	13	14	15	16	17
1	Xây dựng tuyến đường giao thông kết nối với Bệnh viện đa khoa tỉnh và các hạng mục phụ trợ (giai đoạn 1).							1.000,00	1.000,00						Sở Xây dựng	Đề nghị bổ sung danh mục dự án vào KHĐTC 2021-2025 và năm 2024; chưa có CTĐT
2	Sửa chữa, nâng cấp đường từ ngã ba Km16, Quốc lộ 2 vào Khu tương nhiệm Liệt sỹ ngành Tài chính, xã Phúc Ninh, huyện Yên Sơn (Sửa chữa cục bộ đường ĐT.188 đoạn từ Quốc lộ 2 đến ngã ba thôn Gà Luộc xã Phúc Ninh và nâng cấp tuyến đường liên xã đoạn từ thôn Gà Luộc đến khu tương nhiệm Liệt sỹ ngành Tài chính, xã Phúc Ninh)	2024-2025	43.000,00					7.000,00						7.000,00	Sở Tài chính	Đề nghị bổ sung danh mục dự án vào KHĐTC 2021-2025 và năm 2024; chưa có CTĐT
3	Xây dựng đường Lý Thái Tổ, thành phố Tuyên Quang														UBND Thành phố Tuyên Quang	
4	Dự án cầu qua Sông Lô Gâm và đường dẫn cầu từ trung tâm thị trấn Yên Sơn đi xã Tân Long nối với Quốc lộ 2C (giai đoạn 1, 2021-2025 đầu tư xây dựng đường dẫn cầu dài 6 Km)		79.797,00												UBND huyện Yên Sơn	Cột số 5: Tổng mức đầu tư dự kiến
5	Xây dựng cầu và tuyến đường từ ngã 3 Tân Phúc thị trấn Sơn Dương đi qua các thôn: Tân Hòa, Phúc Hòa và Phúc ứng, tổ dân phố Bắc Hoàng, thị trấn Sơn Dương đến tổ dân phố Làng Cà thị trấn Sơn Dương đầu nối với đường ĐT.185	2023-2025	200.000,00												UBND huyện Sơn Dương	Cột số 5: Tổng mức đầu tư dự kiến
6	Xây dựng Cầu và đường từ xã Ninh Lai đi xã Sơn Nam huyện Sơn Dương.														UBND huyện Sơn Dương	
7	Tuyến đường giao thông đoạn từ xã Đạo Viện đi xã Công Đa (huyện Yên Sơn) tiếp giáp địa phận xã Trung Yên, huyện Sơn Dương) tỉnh Tuyên Quang														UBND huyện Yên Sơn	
8	Đầu tư xây dựng đường từ xã Phúc Thịnh, huyện Chiêm Hóa đến Thị trấn Na Hang, huyện Na Hang kết nối Quốc lộ 279 đến huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn														Sở Giao Thông Vận tải	
9	Dự án cải tạo cầu Nông Tiến, thành phố Tuyên Quang														BQL dự án ĐTXD các công trình giao thông tỉnh TQ	
10	Xây dựng cầu Minh Xuân - Tràng Đà, thành phố Tuyên Quang														BQL dự án ĐTXD các công trình giao thông tỉnh TQ	
11	Cải tạo, nâng cấp đường từ Km27 Quốc lộ 2 đi thôn Trung Thành 1, xã Thành Long, huyện Hàm Yên.														UBND huyện Hàm Yên	
12	Mở rộng, nâng cấp tuyến đường ĐT.186 đoạn từ Km15+300 đến Km17+500 huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.														UBND huyện Sơn Dương	
13	Xây dựng đường và Cầu Đen trên đường DH.09 huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang														UBND huyện Sơn Dương	
14	ĐTXD tuyến đường từ xã Ninh Lai, huyện Sơn Dương (Cụm CN Thiện Kế - Ninh Lai) đến xã Đạo Trù để kết nối với đường Tam Đảo - nút giao IC4 cao tốc Nội Bài - Lào Cai tỉnh Vĩnh Phúc														UBND huyện Sơn Dương	
15	Đầu tư xây dựng cầu qua sông Phó Đáy tại xã Hùng Lợi, huyện Yên Sơn														UBND huyện Yên Sơn	
16	Tuyến đường Khu công nghiệp Tam Đa, huyện Sơn Dương đến xã Quang Yên, huyện Lập Thạch tỉnh Vĩnh Phúc kết nối với nút giao IC6 cao tốc Nội Bài - Lào Cai														UBND huyện Sơn Dương	
17	Đường từ đường Quốc lộ 2 vào xóm 18, xã Lang Quán, huyện Yên Sơn														UBND huyện Yên Sơn	

STT	TÊN CÔNG TRÌNH	Thời gian KC - HT	Giá trị dự án được phê duyệt	Giá trị dự toán được phê duyệt	Giá trị trúng thầu xây lắp +CPXD/CB# + ĐBGPMB	Giá trị quyết toán đã được phê duyệt	Vốn đã bố trí đến năm 2023	KẾ HOẠCH 2024 (THEO NGUỒN VỐN)							CHỦ ĐẦU TƯ	GHI CHÚ
								Tổng số	XDCB vốn tập trung trong nước	Nguồn thu từ Xổ số Kiến thiết	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng Đất			Nguồn tăng thu NS, nguồn tiết kiệm chi thường xuyên chuyển sang chi đầu tư		
											Tổng số	Ngân sách cấp huyện hưởng theo phân cấp	Ngân sách cấp tỉnh hưởng theo phân cấp			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12=13+14	13	14	15	16	17
18	Đường từ Trụ sở Ủy ban nhân dân xã Thượng Lâm đến đèo Ái Âu, huyện Lâm Bình														UBND huyện Lâm Bình	
19	Đường từ Tát Ngà xã Phúc Yên đến Bến Thủy tại khu vực Nà Năm, xã Thủy Loa (cũ), huyện Lâm Bình														UBND huyện Lâm Bình	
20	Dự án Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ đầu cầu Nè đến Trường THPT Na Hang, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang						100,00								UBND huyện Na Hang	
21	Đường và cầu nối từ Quốc Lộ 2C qua khu Bê tròn xã Phúc ứng bắc qua sông Phó Đáy sang tổ dân phố Làng Cà, thị trấn Sơn Dương nối đường ĐT 185														UBND huyện Sơn Dương	
22	Nâng cấp đoạn đường ĐT 186 từ Km 15+300 đến Km 17+500 (đoạn từ UBND xã Tam Đa đi Cụm công nghiệp Tam Đa)														UBND huyện Sơn Dương	
23	Kéo dài Tuyến đường Đông Thọ - Tân Thanh đến xã Hợp Hòa huyện Sơn Dương														UBND huyện Sơn Dương	
24	Đường từ Quốc lộ 2 thị trấn Yên Sơn kết nối với đường Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang.														UBND huyện Yên Sơn	
25	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường ĐT.188 đoạn từ xã Phúc Ninh đi xã Quý Quân, huyện Yên Sơn														UBND huyện Yên Sơn	
26	Đường từ trung tâm xã Trung Minh kết nối với thôn Làng Phan, xã Hùng Lợi, huyện Yên Sơn														UBND huyện Yên Sơn	
27	Đầu tư xây dựng các tuyến đường giao thông trục ngang kết nối Quốc lộ 2 với đường trục phát triển đô thị thành phố Tuyên Quang đi trung tâm huyện lỵ Yên Sơn.														UBND huyện Yên Sơn	
28	Đường từ QL2 (xã Lương Vượng) đi khu du lịch suối khoáng Mỹ Lâm, thành phố Tuyên Quang.														UBND thành phố TQ	(Chương trình phát triển đô thị TPTQ)
29	Đường tránh Quốc lộ 37, đoạn qua thành phố Tuyên Quang														UBND thành phố TQ	(Chương trình phát triển đô thị TPTQ)
30	Nâng cấp các tuyến đường giao thông trục chính đô thị (đường Phạm Văn Đồng, Quốc lộ 2 cũ, Lê Đại Hành, đường từ Viên Châu đi xã An Khang, đường Trung Môn - Kim Phú (DH.05)).														UBND thành phố TQ	(Chương trình phát triển đô thị TPTQ)
31	Sửa chữa cầu bắc qua sông Gâm, tổ 4 thị trấn Na Hang															
32	Dự án đường Hang Khào - Bắc Danh kết nối với Quốc lộ 2C, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang															
33	Mở mới tuyến đường tránh thị trấn Sơn Dương từ tổ dân phố Làng Cà đi tổ dân phố Mãng Ngọt, thị trấn Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang															
34	Xây dựng hoàn chỉnh tuyến đường 13B kéo dài từ Tổ dân phố Thịnh Tiến đến tổ dân phố Mãng Ngọt, thị trấn Sơn Dương															
35	Xây dựng đường Đường Kim Bình -Bình Nhân huyện Chiêm Hóa															
36	Xây dựng đường đô thị dọc hai bờ sông Phó Đáy trên địa bàn Thị trấn Sơn Dương kết hợp xây đập dâng nước tại khu vực hạ lưu sông Phó Đáy, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang															

STT	TÊN CÔNG TRÌNH	Thời gian KC - HT	Giá trị dự án được phê duyệt	Giá trị dự toán được phê duyệt	Giá trị trúng thầu xây lắp +CPXD CB# + ĐBGPMB	Giá trị quyết toán đã được phê duyệt	Vốn đã bố trí đến năm 2023	KẾ HOẠCH 2024 (THEO NGUỒN VỐN)						CHỦ ĐẦU TƯ	GHI CHÚ	
								Tổng số	XDCB vốn tập trung trong nước	Nguồn thu từ Xổ số Kiến thiết	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng Đất					Nguồn tăng thu NS, nguồn tiết kiệm chi thường xuyên chuyển sang chi đầu tư
											Tổng số	Ngân sách cấp huyện hưởng theo phân cấp	Ngân sách cấp tỉnh hưởng theo phân cấp			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12=13+14	13	14	15	16	17
37	Xây dựng tuyến đường kết nối vùng từ thôn Phúc Vương xã Phúc Ứng đi qua UBND xã Phúc Ứng đến thôn Làng Móng, xã Đông Thọ, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang															
38	Dự án nâng cấp, cải tạo đường tỉnh lộ 185 đoạn từ Km173+400 - Km204+500, Ngã ba cầu Ba Đạo - xã Thượng Lâm, huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang.															
39	Dự án nâng cấp, cải tạo đường tỉnh lộ 188 đoạn từ Km0 - Km48+00 (Km151+600, QL.2 - thôn Vĩnh Bảo, thị trấn Vĩnh Lộc, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang).															
40	Dự án đường giao thông từ Quốc lộ 37 (xã Thái Bình) - xã Công Đa - xã Đạo Viện - Xã Kiến Thiết															
41	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường ĐT.185 (đoạn từ Cầu Treo đến thôn Khuổi Củng, xã Xuân Lập, huyện Lâm Bình)															
42	Tuyến đường Kim Bình - Tri Phú - Linh Phú (giáp với xã Lương Bằng, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kan)															
43	Đường từ Hang Khào, thị trấn Na Hang đi Lũng Giang, Nà Khá xã Năng Khá giao với QL.279															
44	Đường giao thông Hồng Quang - Thượng Minh, xã Hồng Quang, huyện Lâm Bình															
IX.3	Giáo dục đào tạo, việc làm và dạy nghề		44.998,00				150,00	3.000,00		3.000,00						
1	Trường THCS Trung Sơn, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang	2023-2025	44.998,00					3.000,00		3.000,00					UBND huyện Yên Sơn	
2	Trường phổ thông dân tộc nội trú THCS - THPT Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang.														Sở Tài chính	
3	Dự án xây dựng Trường THPT Tân Trào, thành phố Tuyên Quang (tại địa điểm mới)														Sở Giáo dục và Đào tạo	
4	Xây dựng Trung tâm bồi dưỡng chính trị - giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên huyện Na Hang														UBND huyện Na Hang	
5	Xây dựng Trung tâm bồi dưỡng chính trị - giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên huyện Lâm Bình						100,00								UBND huyện Lâm Bình	
6	Xây dựng Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện Yên Sơn						50,00								UBND huyện Yên Sơn	
7	Chương trình kiên cố hóa trường, lớp học để đảm bảo các điều kiện về cơ sở vật chất thực hiện đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo														Sở Giáo dục và đào tạo	
IX.4	Văn hóa - Xã hội - Thể thao - Du lịch						2.009,13									
1	Mở rộng Quảng trường Nguyễn Tất Thành, thành phố Tuyên Quang (Giai đoạn 2); Năm 2023 bố trí vốn để lập quy hoạch mở rộng Quảng trường Nguyễn Tất Thành (giai đoạn 2)						2.009,13								Sở Xây dựng	
2	Phục hồi, bảo tồn, tôn tạo di tích cách mạng Khuổi Kịch, xã Tân Trào và di tích sân bay Lũng Cò, xã Minh Thanh, huyện Sơn Dương														Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	

STT	TÊN CÔNG TRÌNH	Thời gian KC - HT	Giá trị dự án được phê duyệt	Giá trị dự toán được phê duyệt	Giá trị trúng thầu xây lắp +CPXD CB# + ĐBGPMB	Giá trị quyết toán đã được phê duyệt	Vốn đã bố trí đến năm 2023	KẾ HOẠCH 2024 (THEO NGUỒN VỐN)						CHỦ ĐẦU TƯ	GHI CHÚ	
								Tổng số	XDCB vốn tập trung trong nước	Nguồn thu từ Xổ số Kiến thiết	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng Đất					Nguồn tăng thu NS, nguồn tiết kiệm chi thường xuyên chuyển sang chi đầu tư
											Tổng số	Ngân sách cấp huyện hưởng theo phân cấp	Ngân sách cấp tỉnh hưởng theo phân cấp			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12=13+14	13	14	15	16	17
3	Xây dựng Nhà thi đấu đa năng; nhà làm việc của Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu thể dục thể thao tỉnh; Khu nội trú cho học viên các lớp đội tuyển														Ban QLDA ĐTXD các công trình Dân dụng và công nghiệp	
4	Tu bổ, tôn tạo di tích cây đa Tân Trào thuộc khu di tích lịch sử quốc gia đặc biệt Tân Trào, xã Tân Trào, huyện Sơn Dương														Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch	
5	Đầu tư, cải tạo chống xuống cấp Di tích lịch sử Quốc gia Chiến thắng khe Lau, thị trấn Yên Sơn, huyện Yên Sơn														Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch	
6	Xây dựng Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện Hàm yên (địa điểm mới)														UBND huyện Hàm Yên	
7	Xây dựng Trung tâm thanh thiếu nhi, huyện Sơn Dương (giai đoạn 2)														UBND huyện Sơn Dương	
8	Khu liên hợp thể thao tỉnh Tuyên Quang														Sở Xây dựng	
9	Xây dựng hệ thống chiếu sáng đô thị các tuyến đường trên địa bàn thị trấn Sơn Dương															
10	Xây dựng trung tâm Hội nghị huyện Sơn Dương															
11	Dự án Bảo tồn, tôn tạo Di tích quốc gia đặc biệt Đại hội II Kim Bình, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang															
12	Xây dựng trung tâm văn hóa và điện ảnh tỉnh Tuyên Quang															
13	Dự án hạ tầng kỹ thuật Khu du lịch Quốc gia đặc biệt Tân Trào															
14	Dự án hạ tầng kỹ thuật Khu du lịch suối khoáng Mỹ Lâm, huyện Yên Sơn giai đoạn 2															
15	Dự án bảo quản tu bổ phục hồi di tích lịch sử cách mạng; trung tu tôn tạo quảng trường Nguyễn Tất Thành (Đền thờ, tượng đài trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang)															
16	Xây dựng bãi đỗ xe, nhà chờ khách và đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật bến thủy xã Đà Vị, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang															
17	Dự án trồng hoa tạo cảnh quan tại Khu danh thắng quốc gia đặc biệt Na Hang - Lâm Bình															
18	Đầu tư phát triển hạ tầng khung khu du lịch (gồm 5 tiểu dự án)															
IX.5	Phát thanh truyền hình							100,00								
1	Dự án Nâng cấp thiết bị công nghệ truyền hình cho Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Tuyên Quang							100,00							Đài PTTH tỉnh	
IX.6	Nông lâm nghiệp, thủy lợi		4.000,00					2.674,42								
1	Dự án Đầu tư xây dựng hệ thống đường ống dẫn nối với tuyến ống cấp nước thô hồ Cao Ngồi để cấp nước sinh hoạt cho các xã Phú Lương, Hào Phú, Tam Đa, Hồng Lạc huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang	2023-2025	24.500,00												Ban QLDA Đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	Giai đoạn 2023-2025 thực hiện chuẩn bị đầu tư

STT	TÊN CÔNG TRÌNH	Thời gian KC - HT	Giá trị dự án được phê duyệt	Giá trị dự toán được phê duyệt	Giá trị trúng thầu xây lắp +CPXD CB# + ĐBGPMB	Giá trị quyết toán đã được phê duyệt	Vốn đã bố trí đến năm 2023	KẾ HOẠCH 2024 (THEO NGUỒN VỐN)						CHỦ ĐẦU TƯ	GHI CHÚ	
								Tổng số	XDCB vốn tập trung trong nước	Nguồn thu từ Xổ số Kiến thiết	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng Đất					Nguồn tăng thu NS, nguồn tiết kiệm chi thường xuyên chuyển sang chi đầu tư
											Tổng số	Ngân sách cấp huyện hưởng theo phân cấp	Ngân sách cấp tỉnh hưởng theo phân cấp			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12=13+14	13	14	15	16	17
2	Dự án đầu tư xây dựng công trình thủy lợi hồ Cao Ngõi, xã Đông Lợi, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang						2.384,42								Ban QLDA Đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	Dự án do Bộ NN&PTNT đầu tư
3	Đầu tư xây dựng hạng mục hệ thống kênh dẫn đập thủy lợi Ô rô, xã Thái Hòa, huyện Hàm Yên	2022-2024	4.000,00				100,00								UBND huyện Hàm Yên	
4	Dự án kè chống sạt lở Bờ sông Phó Đáy xã Hùng Lợi, huyện Yên Sơn														Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Dự án do Bộ NN&PTNT đầu tư
5	Kè bảo vệ tuyến đê An Khang - Thái Long, thành phố Tuyên Quang														Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Dự án do Bộ NN&PTNT đầu tư
6	Xây dựng kè bờ sông, suối và kè những vùng có nguy cơ trượt, lở trên địa bàn thành phố Tuyên Quang														UBND thành phố TQ	(Chương trình phát triển đô thị TPTQ)
7	Kè chống sạt lở khu vực bờ Soi Sinh (đi tích lịch sử cấp tỉnh), xã Tân Long, huyện Yên Sơn.															
8	Dự án kè chống sạt lở bờ suối Hè, xã Yên Phú, huyện Hàm Yên														Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
9	Xây dựng hồ thủy lợi Nà Thôm, Xã Thanh Tương, huyện Na Hang						190,00								UBND huyện Na Hang	
10	Kè bờ suối thôn Nặm Đíp, Làng Chùa, Nà Khả, xã Lãng Can, huyện Lâm Bình														UBND huyện Lâm Bình	
11	Thủy lợi Hồ Nà Dân xã Thanh Tương, huyện Na Hang															
12	Kè chống sạt lở bờ suối Nà Thái, xã Thượng Giáp, huyện Na Hang, huyện Na Hang															
13	Thủy lợi Phiêng Bung, xã Năng Khả, huyện Na Hang															
14	Di dân khẩn cấp ra khỏi vùng lũ ống, lũ quét, sạt lở đất thôn Nà Luông, Nà Xé, xã Bình An, huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang.															
15	Di dân khẩn cấp ra khỏi vùng thiên tai nguy hiểm và vùng đồng bào dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn thôn Thái Khao, Quảng Tân, xã Yên Lâm, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang															
16	Dự án bố trí, sắp xếp ổn định dân cư vùng đặc biệt khó khăn thôn Khuổi Trang, Khuổi Củng, xã Xuân Lập, huyện Lâm Bình,															
17	Dự án bố trí, sắp xếp ổn định dân cư vùng thiên tai nguy hiểm do lũ quét thôn Nặm Chá, Đon Bá và Khau Quang, xã Lãng Can, huyện Lâm Bình.															
18	Dự án bố trí, sắp xếp ổn định dân cư vùng đặc biệt khó khăn thôn Khau Hân, Phú Linh, Lung Lửa xã Bình Phú, huyện Chiêm Hóa															
19	Dự án sửa chữa, nâng cấp đảm bảo an toàn hồ chứa huyện Hàm Yên (Làng Bát, Làng Léch, hồ Khôn, Tam Tinh, Kim Giao)															

STT	TÊN CÔNG TRÌNH	Thời gian KC - HT	Giá trị dự án được phê duyệt	Giá trị dự toán được phê duyệt	Giá trị trúng thầu xây lắp +CPXD CB# + ĐBGPMB	Giá trị quyết toán đã được phê duyệt	Vốn đã bố trí đến năm 2023	KẾ HOẠCH 2024 (THEO NGUỒN VỐN)						CHỦ ĐẦU TƯ	GHI CHÚ	
								Tổng số	XDCB vốn tập trung trong nước	Nguồn thu từ Xổ số Kiến thiết	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng Đất					Nguồn tăng thu NS, nguồn tiết kiệm chi thường xuyên chuyển sang chi đầu tư
											Tổng số	Ngân sách cấp huyện hưởng theo phân cấp	Ngân sách cấp tỉnh hưởng theo phân cấp			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12=13+14	13	14	15	16	17
20	Kè chống sạt lở bờ sông Lô, khu dân cư đoạn Chợ Thụt, xã Phù Lưu, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang															
21	Dự án sửa chữa, nâng cấp hệ thống công trình thủy lợi vừa và nhỏ huyện Na Hang															
22	Dự án sửa chữa, nâng cấp hệ thống công trình thủy lợi vừa và nhỏ huyện Lâm Bình															
23	Dự án sửa chữa, nâng cấp hệ thống công trình thủy lợi vừa và nhỏ huyện Hàm Yên															
24	Dự án sửa chữa, nâng cấp đảm bảo an toàn hồ chứa huyện Chiêm Hóa (Pác Nhang, Thôn Chân, Đèo Chấp, Bản Lai)															
25	Dự án sửa chữa, nâng cấp hệ thống công trình thủy lợi vừa và nhỏ huyện Sơn Dương															
26	Dự án sửa chữa, nâng cấp hệ thống công trình thủy lợi vừa và nhỏ huyện Yên Sơn															
27	Dự án sửa chữa, nâng cấp hệ thống công trình thủy lợi vừa và nhỏ thành phố Tuyên Quang															
28	Dự án sửa chữa, nâng cấp hệ thống công trình thủy lợi vừa và nhỏ huyện Chiêm Hóa															
29	Cụm công trình hồ tích nước thủy lợi xã Vân Sơn, huyện Sơn Dương															
30	Dự án kè bảo vệ tuyến đê đoạn thôn Xạ Hương, xã Đông Thọ, huyện Sơn Dương															
31	Dự án đầu tư xây dựng công trình thủy lợi hồ Đát Đền, xã Hợp Hòa, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang															
32	Kè bảo vệ bờ sông Lô, xã Vân Sơn, huyện Sơn Dương															
33	Kè chống sạt lở bờ sông Lô đoạn qua Bến phả Cũ - Cầu Tân Yên, xã Tân Thành, huyện Hàm Yên															
34	Kè chống sạt lở bờ sông Lô khu vực bến Đền, xã Bạch Xa, huyện Hàm Yên															
35	Kè suối xã Tân Mỹ, huyện Chiêm Hóa															
36	Kè suối Cầu Cá, xã Yên Nguyên, huyện Chiêm Hóa															
37	Kè suối Cỏ Linh, xã Kinh Bình, huyện Chiêm Hóa															
38	Kè sông Gâm, đoạn qua Phố Chính xã Vinh Quang, huyện Chiêm Hóa															
IX.7	Công nghiệp															
1	Dự án cải tạo, nâng cấp hệ thống lưới điện trên địa bàn huyện Hàm Yên đạt chuẩn theo tiêu chí huyện Nông thôn mới														Sở Công thương	
2	Dự án đầu tư xây dựng hệ thống đường giao thông, hệ thống thoát nước và xử lý nước thải Cụm công nghiệp Tân Thành, huyện Hàm Yên															
3	Dự án đầu tư xây dựng hệ thống đường giao thông nội bộ, hệ thống thoát nước và xử lý nước thải Khu công nghiệp Ninh Lai, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang															

STT	TÊN CÔNG TRÌNH	Thời gian KC - HT	Giá trị dự án được phê duyệt	Giá trị dự toán được phê duyệt	Giá trị trúng thầu xây lắp +CPXD CB# + ĐBGPMB	Giá trị quyết toán đã được phê duyệt	Vốn đã bố trí đến năm 2023	KẾ HOẠCH 2024 (THEO NGUỒN VỐN)						CHỦ ĐẦU TƯ	GHI CHÚ	
								Tổng số	XDCB vốn tập trung trong nước	Nguồn thu từ Xổ số Kiến thiết	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng Đất					Nguồn tăng thu NS, nguồn tiết kiệm chi thường xuyên chuyển sang chi đầu tư
											Tổng số	Ngân sách cấp huyện hưởng theo phân cấp	Ngân sách cấp tỉnh hưởng theo phân cấp			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12=13+14	13	14	15	16	17
4	Dự án đầu tư xây dựng hệ thống đường giao thông, hệ thống thoát nước và xử lý nước thải Cụm công nghiệp An Thịnh, huyện Chiêm Hóa															
5	Dự án đầu tư xây dựng hệ thống đường giao thông, hệ thống thoát nước và xử lý nước thải Cụm công nghiệp Phúc Ứng, huyện Sơn Dương															
IX.8	Công trình công cộng tại các đô thị						100,00									
1	Xây dựng hệ thống thoát nước khu trung tâm huyện Yên Sơn đạt đô thị loại IV.	2023-2025					100,00								UBND huyện Yên Sơn	
2	Dự án công nghệ thông tin, viễn thông, truyền thông phục vụ đô thị thông minh.														UBND thành phố TQ	(Chương trình phát triển đô thị TPTQ)
3	Cải tạo, nâng cấp hệ thống điện chiếu sáng đường phố chính, ngõ hẻm và chiếu sáng cảnh quan đô thị trên địa bàn thành phố Tuyên Quang.														UBND thành phố TQ	(Chương trình phát triển đô thị TPTQ)
4	Cải tạo, chỉnh trang hồ tổ 9, phường An Tường, thành phố Tuyên Quang														UBND thành phố TQ	(Chương trình phát triển đô thị TPTQ)
5	Cải tạo, chỉnh trang Giếng Tanh, xã Kim Phú, thành phố Tuyên Quang														UBND thành phố TQ	(Chương trình phát triển đô thị TPTQ)
IX.9	Vốn đối ứng NSDP các Dự án sử dụng vốn ODA							1.500,00	1.500,00							
1	Bệnh viện đa khoa khu vực Kim Xuyên, huyện Sơn Dương														BQL Dự án ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh TQ	Sử dụng vốn của nước Cộng hòa Hungrari
2	Dự án đầu tư xây dựng đường từ trung tâm thành phố Tuyên Quang (Quốc lộ 2 đoạn tránh thành phố Tuyên Quang) đi khu du lịch suối khoáng Mỹ Lâm, phường Mỹ Lâm, TPTQ							1.500,00	1.500,00						Ban điều phối các dự án vốn nước ngoài tỉnh	Vốn vay ODA của Quỹ phát triển Ả rập Xê út
3	Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu quản lý đất đai														Sở TN&MT	
4	Đầu tư xây dựng cầu Trường Thi bắc qua sông Lô tại TP Tuyên Quang														Ban điều phối các dự án vốn nước ngoài tỉnh	Vốn vay ưu đãi của Ngân hàng xuất nhập khẩu Hàn Quốc (KEXIM)
5	Dự án "Phát triển CSHT thủy lợi nhỏ bao gồm cả cấp nước sinh hoạt và lồng ghép với hoạt động sinh kế bền vững cho đồng bào dân tộc các tỉnh miền núi phía Bắc thích ứng với biến đổi khí hậu" tỉnh Tuyên Quang.														Ban điều phối các dự án vốn nước ngoài tỉnh	Vốn vay ODA của ngân hàng thế giới WB
6	Dự án xây dựng hệ thống giao thông nông thôn thích ứng với biến đổi khí hậu tỉnh Tuyên Quang														Ban điều phối các dự án sử dụng vốn nước ngoài	
7	Dự án Phát triển cơ sở hạ tầng thích ứng biến đổi khí hậu để hỗ trợ sản xuất cho đồng bào dân tộc các tỉnh miền núi, trung du phía Bắc tỉnh Tuyên Quang														Ban điều phối các dự án sử dụng vốn nước ngoài	
8	Dự án cung cấp nước sinh hoạt từ hồ nước sạch Na Hang cung cấp cho các huyện: Na Hang, Chiêm Hóa, Hàm Yên, Yên Sơn và thành phố Tuyên Quang															
9	Dự án phát triển kinh doanh nông nghiệp thích ứng với biến đổi khí hậu															
10	Dự án phát triển cơ sở hạ tầng toàn diện đồng bào dân tộc thiểu số ở các tỉnh miền núi phía Bắc															
11	Dự án phát triển bền vững chuỗi giá trị nông nghiệp, vay vốn WB															

STT	TÊN CÔNG TRÌNH	Thời gian KC - HT	Giá trị dự án được phê duyệt	Giá trị dự toán được phê duyệt	Giá trị trùng đầu xây lắp +CPXD/CB# + ĐBGPMB	Giá trị quyết toán đã được phê duyệt	Vốn đã bố trí đến năm 2023	KẾ HOẠCH 2024 (THEO NGUỒN VỐN)						CHỦ ĐẦU TƯ	GHI CHÚ	
								Tổng số	XDCB vốn tập trung trong nước	Nguồn thu từ Xổ số Kiến thiết	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng Đất					Nguồn tăng thu NS, nguồn tiết kiệm chi thường xuyên chuyển sang chi đầu tư
											Tổng số	Ngân sách cấp huyện hưởng theo phân cấp	Ngân sách cấp tỉnh hưởng theo phân cấp			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12=13+14	13	14	15	16	17
12	Dự án "Phục hồi và quản lý rừng bền vững-KfW9.2 (sử dụng vốn vay ODA của Chính phủ Đức)															
13	Dự án đầu tư cơ sở vật chất trường, lớp học, cải thiện điều kiện dạy và học cho các cơ sở giáo dục, đào tạo trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang															
14	Dự án "Tăng cường hệ thống cung cấp dịch vụ trợ giúp xã hội, chăm sóc người cao tuổi và điều trị, cai nghiện cho người nghiện ma túy"															
IX.10	Bảo vệ môi trường															
1	Xây dựng hệ thống thoát nước trên các trục đường chính đô thị: Đường Nguyễn Tất Thành, đường Tân Trào, đường 17/8, đường Kim Bình, đường Bình Thuận, đường Lý Thái Tổ, đường QL2 cũ,...														UBND thành phố TQ	(Chương trình phát triển đô thị TPTQ)
2	Quy hoạch, xây dựng khu xử lý chất thải rắn trên địa bàn huyện Hàm Yên															
3	Quy hoạch, xây dựng khu xử lý chất thải, huyện Na Hang															
4	Nâng cấp mở rộng hệ thống cung cấp nước sạch huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang															
5	Xây dựng nhà máy xử lý rác thải huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang															
6	Quy hoạch, xây dựng khu xử lý rác thải tỉnh Tuyên Quang															
7	Nhà máy xử lý nước thải thành phố Tuyên Quang															
X	CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA							338.180,00		2.400,00			335.780,00			Có kế hoạch phân bổ riêng
1	Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới							338.180,00		2.400,00			335.780,00			
-	Bổ trí phần vốn còn thiếu ngân sách tỉnh thực hiện Kế hoạch xây dựng nông thôn mới năm 2022 theo Quyết định số 659/QĐ-UBND ngày 30/11/2022; số 2049/QĐ-UBND ngày 31/12/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh							36.300,00					36.300,00			Quyết định số 659/QĐ-UBND ngày 30/11/2022; số 2049/QĐ-UBND ngày 31/12/2022
-	Bổ trí phần vốn còn thiếu ngân sách tỉnh thực hiện Kế hoạch xây dựng nông thôn mới năm 2023 theo Quyết định số 265/QĐ-UBND ngày 21/7/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh							146.600,00					146.600,00			Quyết định số 265/QĐ-UBND ngày 21/7/2023
-	Hỗ trợ huyện Hàm Yên Đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 theo Quyết định số 360/QĐ-UBND ngày 08/6/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh							70.000,00					70.000,00			Quyết định số 360/QĐ-UBND ngày 08/6/2021
-	Hỗ trợ huyện Sơn Dương Đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 theo Quyết định số 150/QĐ-UBND ngày 24/4/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh							82.880,00					82.880,00			Quyết định số 150/QĐ-UBND ngày 24/4/2023
2	Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững															
3	Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030															
XI	VỐN ĐỐI ỨNG QUỸ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG						3.000,00	3.000,00						3.000,00		
XII	ỦY THÁC QUA NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH						8.000,00	8.000,00						8.000,00		

STT	TÊN CÔNG TRÌNH	Thời gian KC - HT	Giá trị dự án được phê duyệt	Giá trị dự toán được phê duyệt	Giá trị trúng thầu xây lắp +CPXD CB# + ĐBGPMB	Giá trị quyết toán đã được phê duyệt	Vốn đã bố trí đến năm 2023	KẾ HOẠCH 2024 (THEO NGUỒN VỐN)						CHỦ ĐẦU TƯ	GHI CHÚ	
								Tổng số	XDCB vốn tập trung trong nước	Nguồn thu từ Xổ số Kiến thiết	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng Đất					Nguồn tăng thu NS, nguồn tiết kiệm chi thường xuyên chuyển sang chi đầu tư
											Tổng số	Ngân sách cấp huyện hưởng theo phân cấp	Ngân sách cấp tỉnh hưởng theo phân cấp			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12=13+14	13	14	15	16	17
XIII	BỘ SUNG QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN							3.000,00						3.000,00		
XIV	VỐN NSDP ĐỐI ỨNG GPMB - DỰ ÁN THÀNH PHẦN SỐ 4, XỬ LÝ SẠT LỠ CẤP BÁCH SÔNG, SUỐI TỈNH TUYẾN QUANG THUỘC DỰ ÁN XỬ LÝ SẠT LỠ CẤP BÁCH SÔNG, SUỐI MỘT SỐ TỈNH MNPB						6.000,00	2.500,00	2.500,00						Ban QLDA Đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	Dự án sử dụng vốn NSTW do Bộ NN&PTNT quản lý
XV	HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP ĐẦU TƯ VÀO NÔNG NGHIỆP, NÔNG DÂN VÀ NÔNG THÔN							2.000,00	2.000,00							
1	Nhà máy sản xuất chế biến nông sản JW							2.000,00	2.000,00							
XVI	CHƯA PHÂN BỐ TỪ NGUỒN THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT NGÂN SÁCH TỈNH ĐƯỢC HƯỞNG THEP PHÂN CẤP TẠI ĐIỂM B KHOẢN 4 ĐIỀU 4 NGHỊ QUYẾT SỐ 07/NQ-HĐND NGÀY							50.000,00					50.000,0			
XVII	HỖ TRỢ THỰC HIỆN TIÊU CHÍ ĐÔ THỊ LOẠI I ĐỐI VỚI THÀNH PHỐ TUYẾN QUANG							100.000,00					100.000,0			Văn bản số 4442/UBND-ĐT XD ngày 28/10/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo số 1181/BC-UBND ngày 21/10/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Tuyên Quang
XVIII	CÔNG TRÌNH DO TỈNH BẮC CẠN LÀM CHỦ ĐẦU TƯ															
1	Xây dựng tuyến đường trên địa phận huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang thuộc Dự án xây dựng tuyến đường thành phố Bắc Kạn - Hồ Ba Bè kết nối sang Na Hang.	2021-2025													UBND tỉnh Bắc Kạn	

BIỂU KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024
CÁC CÔNG TRÌNH HOÀN THÀNH CHỜ PHÊ DUYỆT QUYẾT TOÁN

(Kèm theo Quyết định số: 511/QĐ-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyền Quang)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	TÊN CÔNG TRÌNH	Thời gian KC - HT	Quy mô, năng lực thiết kế	Giá trị dự án được phê duyệt	Giá trị DT được phê duyệt	Giá trị quyết toán đã được phê duyệt	Vốn đã bố trí đến hết năm 2023	CHỦ ĐẦU TƯ	GHI CHÚ
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
	TỔNG CỘNG			7.249.699,69	6.338.393,29	202.347,52	5.743.303,97		
(1)	Nông, lâm nghiệp, thủy lợi			1.113.362,24	1.044.845,97	12.055,54	1.013.819,18		
1	Dự án xây dựng hạ tầng thiết yếu đảm bảo ổn định đời sống dân cư khu vực xã Bình Yên và thị trấn Sơn Dương, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyền Quang	2016-2020		100.000,00	100.000,00		90.000,00	UBND huyện Sơn Dương	
2	Công trình thủy lợi Đồng Trại, thôn Phú Nhiêu, xã Phú Lương, huyện Sơn Dương	2020-2022		36.924,41	36.924,41		45.561,76	BQL dự án ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT tỉnh TQ	
3	Di dân khẩn cấp ra khỏi vùng thiên tai nguy hiểm sạt lở, sụt lún đất thôn Nà Đừa, xã Đà Vị, huyện Na Hang, tỉnh Tuyền Quang	2020-2022		44.181,32	44.181,32		40.000,00	UBND huyện Na Hang	
4	Xử lý khẩn cấp đảm bảo an toàn đoạn đê Hưng Thịnh, xã Trường Sinh, huyện Sơn Dương	2020-2021		14.900,00	14.658,41		14.900,00	BQL dự án ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT tỉnh TQ	
5	Dự án phát triển lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh Tuyền Quang	2016-2020		65.338,00	52.277,80		52.247,52	Sở NN&PTNT	
6	Sửa chữa, nâng cấp công trình thủy lợi hồ chứa nước Đèo Hoa, xã Chân Sơn, huyện Yên Sơn	2013-2015		48.700,00	19.413,09	12.055,54	19.055,54	Sở NN&PTNT	Dự án xin vốn của TW (đã phê duyệt quyết toán GĐ1: 12.055,54 trđ)
7	Sửa chữa, nâng cấp hồ Phai Kẽm, huyện Hàm Yên			14.992,71	14.992,71		14.407,00	UBND huyện Hàm Yên	Vốn TPCP
8	Kè bờ sông Lô thị xã Tuyền Quang (TPTQ)			385.624,47	381.937,00		376.524,63	BQL dự án ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT tỉnh TQ	Vốn TPCP (Đã quyết toán một số hạng mục: 299.696,77 triệu đồng, đang QT các hạng mục còn lại)
9	Cải tạo, nâng cấp CSHT phát triển vùng sản xuất chè tập trung, an toàn, chất lượng cao tỉnh Tuyền Quang			105.000,00	82.759,90		36.000,00	BQL dự án ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT tỉnh TQ	Vốn đối ứng Ngân sách địa phương (Dự án trung ương đầu tư)
10	Các công trình, hạng mục công trình hoàn thành đã được phê duyệt quyết toán chưa bố trí đủ vốn thuộc Dự án di dân, tái định cư thủy điện Tuyền Quang theo QĐ số 08/2007/QĐ-TTg ngày 12/01/2007						33.992,73	Ban DI dân tái định cư thủy điện Tuyền Quang; UBND huyện, thành phố	
11	Dự án Kè bảo vệ bờ sông Gâm hạ lưu nhà máy thủy điện Tuyền Quang, khu vực thị trấn Na Hang, huyện Na Hang, tỉnh Tuyền Quang			297.701,34	297.701,34		291.130,00	Ban QLDA ĐTXD các công trình NN&PTNT	
(2)	Giao thông			2.222.822,52	1.726.506,32		1.510.698,15		
1	Đường nội bộ từ trụ sở Tỉnh ủy đến Nhà khách Kim Bình, bãi đỗ xe, kè bảo vệ chống sạt lở và cải tạo sân, vườn khu vực Tỉnh ủy;	2020-2022		31.481,10	31.481,10		28.297,74	Văn phòng Tỉnh ủy	
2	Sửa chữa, nâng cấp tuyến đường từ Km170+600 Quốc lộ 2C đến thôn Đồng Khản, xã Kiến Thiết, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyền Quang.	2021-2023		29.400,00	29.400,00		29.400,00	Sở Tài chính	
3	Cầu Chinh, xã Vinh Quang, huyện Chiêm Hóa trên tuyến đường vào khu di tích Sở Đúc Tiền Bộ Tài chính tại thôn Đồng Quắc, xã Bình Nhân, huyện Chiêm Hóa	2020-2022		38.747,13	32.225,18		29.715,00	Sở Tài chính	

STT	TÊN CÔNG TRÌNH	Thời gian KC - HT	Quy mô, năng lực thiết kế	Giá trị dự án được phê duyệt	Giá trị DT được phê duyệt	Giá trị quyết toán đã được phê duyệt	Vốn đã bố trí đến hết năm 2023	CHỦ ĐẦU TƯ	GHI CHÚ
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
4	Sửa chữa, nâng cấp tuyến đường đi các khu di tích Bộ Tài chính và các Bộ, ngành tại xã Tú Thịnh và xã Minh Thanh, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang	2021-2023		72.000,00	72.000,00		66.500,00	Sở Tài chính	
5	Sửa chữa, nâng cấp tuyến đường từ Khu di tích Bộ Tài chính thôn Đồng Tâm nối với đường ĐH,06 (Vinh Quang - Bình Nhân) tại Km4+100, xã Bình Nhân, huyện Chiêm Hóa	2022-2023		19.137,72	19.137,72		14.735,00	Sở Tài chính	
6	Sửa chữa cục bộ nền, mặt đường và công trình trên tuyến đường vào Khu di tích Sở Đức tiên, khu di tích Bộ Tài chính tại thôn Đồng Quắc, xã Bình Nhân (đoạn từ thôn Đồng Tâm đi thôn Đồng Quắc xã Bình Nhân, huyện Chiêm Hóa)	2021-2023		18.200,00	18.200,00		14.700,00	Sở Tài chính	
7	Đường giao thông từ xã Hồng Quang đi xã Bình An, huyện Lâm Bình		L=12.035m	130.274,90	100.919,515		94.190,00	UBND huyện Lâm Bình	
8	Cầu bê tông cốt thép từ khu tái định cư Phai Khăn đi Nà Mù, thôn Phai Khăn, xã Đà Vi, huyện Na Hang			14.904,00	14.904,00		14.200,00	UBND huyện Na Hang	
9	XD đường giao thông, hệ thống cấp điện, hệ thống cấp nước sinh hoạt, hệ thống thoát nước mưa, nước thải khu trung tâm huyện lỵ Yên Sơn (tại địa điểm mới);	2011-2017		70.005,00	70.005,00		58.501,30	UBND huyện Yên Sơn	
10	Đường Phù Lưu - Minh Dân - Minh Khương, huyện Hàm Yên (Giai đoạn 2)			103.602,31	103.602,31		85.283,14	UBND huyện Hàm Yên	
11	Cải tạo, nâng cấp Đại lộ Tân Trào, từ ngã ba Chanh Km208+990 QL37 qua dốc Đò đến ngã ba giao với đường 17/8 (Đoạn từ cổng thành nhà Mạc đến Trung tâm Hội nghị tỉnh)	2011-2015	L=3,7km	279.085,65	129.962,27		124.819,67	UBND - TPTQ	
12	Cải tạo nâng cấp đường từ xã Thượng Ấm đi xã Đại phú, huyện Sơn Dương	2009-2013	L=47km	159.341,13	159.341,13		152.000,00	UBND huyện Sơn Dương	Vốn TPCP
13	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường Minh Thanh (từ Km138+830 QL2 đi QL2C)	2013-2015	L=2,3km	42.320,70	39.209,84		39.181,00	UBND thành phố Tuyên Quang	
14	Đường vào khu xử lý rác xã Nhữ Khê, huyện Yên Sơn	2011-2013		18.967,22	18.967,22		14.200,00	UBND huyện Yên Sơn	
15	Dự án đầu tư xây dựng đường giao thông khu vực trung tâm huyện Lâm Bình	2016-2020		113.899,60	113.899,60		97.000,00	UBND huyện Lâm Bình	
16	Đường từ Quốc lộ 2 vào Trụ sở làm việc của Huyện ủy và UBND huyện Hàm Yên			14.997,35	14.997,35		12.931,53	UBND huyện Hàm Yên	
17	Sửa chữa nền, mặt đường và công trình trên tuyến đường ĐT.186, đoạn từ Km0+00 - Km58+900 thuộc địa phận huyện Sơn Dương	2020-2023		155.044,10	155.044,10		135.600,00	Sở Giao thông Vận tải	Đã PDQT: 150.120,68 trđ, Dự án sử dụng vốn ngân sách tỉnh
18	Sửa chữa nền, mặt đường tuyến ĐT.185 đoạn từ Km236+500 - Km248+510 (Phúc Yên - Khau Cau), huyện Lâm Bình	2018-2020		65.395,93	50.188,00		50.188,00	Sở Giao thông Vận tải	
19	Đường Phù Lưu - Minh Dân - Minh Khương, huyện Hàm Yên (Giai đoạn 2)			103.602,31	103.602,31		85.283,14	UBND huyện Hàm Yên	
20	Đường cứu hộ, cứu nạn từ đường Quang Trung đến Km14 đến QL2, tỉnh Tuyên Quang (Quyết toán phần dừng thực hiện)			351.041,00	61.236,30		61.236,30	BQL dự án ĐTXD các công trình giao thông tỉnh TQ	(Đã PDQT: 61.236,3 trđ)
21	Xây dựng cầu Trắng 2 qua sông phó đáy, đi khu di tích quốc gia đặc biệt Tân Trào, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang	2021-2023		44.900,00	41.708,00		40.549,00	BQL dự án ĐTXD các công trình giao thông tỉnh TQ	
22	Đường giao thông từ đường ĐH.03 Phú Bình - Kiên Đài, huyện Chiêm Hóa đến Di tích Bộ Tài chính, thôn Nà Làng, xã Phú Bình, huyện Chiêm Hóa	2020-2022		14.726,99	14.726,99		14.169,00	Sở Tài chính	Vốn NS tỉnh
23	Xây dựng tuyến đường từ khu TĐC Km13 đến tuyến A-B, thị trấn huyện lỵ Yên Sơn	2016-2017		8.056,38	8.056,38		7.300,00	UBND huyện Yên Sơn	
24	Dự án 02 tuyến đường dọc hai bên bờ sông Lô đầu nối với các tuyến QL37, QL2C, đường Hồ Chí Minh liên kết với đường cao tốc nối thành phố Tuyên Quang với cao tốc Lào Cai-Nội Bài	2016-2020		323.692,01	323.692,01		240.718,34	UBND thành phố Tuyên Quang	
	Tuyến số 1: Điểm đầu tuyến giao với QL2C (Km 135+00 tại khu vực cầu Thôn Thượng, xã Tràng Đà, thành phố Tuyên Quang), điểm cuối tuyến tại nút giao QL37, QL2C và đường Hồ Chí Minh thuộc địa phận xã Thái Bình, huyện Yên Sơn				278.391,93		217.648,79		Hàng năm bổ sung từ nguồn ngân sách tỉnh, ngân sách của UBND thành phố Tuyên Quang
	Tuyến số 02 (Địa phận phường Tân Quang, Minh Xuân)				45.300,07		23.069,55		

STT	TÊN CÔNG TRÌNH	Thời gian KC - HT	Quy mô, năng lực thiết kế	Giá trị dự án được phê duyệt	Giá trị DT được phê duyệt	Giá trị quyết toán đã được phê duyệt	Vốn đã bố trí đến hết năm 2023	CHỦ ĐẦU TƯ	GHI CHÚ
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
(3)	Văn hóa - xã hội			586.308,68	564.841,65	8.065,30	515.009,51		
1	Cải tạo, mở rộng phòng Lễ tân tầng 1, Trung tâm hội nghị tỉnh TQ			3.500,00	3.500,00		3.500,00	Văn phòng UBND tỉnh	
2	Quy hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi và phát huy giá trị di tích lịch sử quốc gia đặc biệt Địa điểm tổ chức Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng.	2021-2022		2.347,38	2.347,38		2.000,00	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch	
3	Dự án đầu tư xây dựng (giai đoạn 1) Hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư Khu du lịch suối khoáng Mỹ Lâm, tỉnh Tuyên Quang			24.940,28	24.940,28		21.992,05	BQL các Khu du lịch tỉnh TQ	
4	Cải tạo, xây dựng phòng Studio của Báo Tuyên Quang	2022		2.686,800	2.686,800		2.600,00	Báo Tuyên Quang	
5	ĐT XD cơ sở Hạ tầng Khu du lịch sinh thái Na Hang	2016-2020		100.000,00	92.421,73		84.000,00	UBND huyện Na Hang	
6	Mở rộng phòng ăn tầng 1, xây mới nhà bếp và làm sảnh đón khách có mái che của nhà khách Kim Bình, tỉnh Tuyên Quang	2015-2016		14.998,08	14.998,08		14.225,30	Văn phòng Tỉnh uỷ	
7	Xây dựng mở rộng khu tái định cư di chuyển các hộ dân khu xử lý rác thải xã Nhữ Khê, huyện Yên Sơn	2012-2013		7.711,53	7.711,53		7.354,16	UBND huyện Yên Sơn	
8	Hạ tầng Khu di tích thắng cảnh Động Tiên, huyện Hàm Yên			31.638,83	31.638,83		27.137,00	UBND huyện Hàm Yên	
9	ĐT XD công trình Hạ tầng kỹ thuật Khu du lịch suối khoáng Mỹ Lâm, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang	2016-2020		86.350,00	86.350,00		78.000,00	BQL các Khu du lịch tỉnh TQ	CTMT Phát triển Hạ tầng Du lịch
10	Công trình di chuyển đường điện và xây dựng hệ thống thoát nước thải trong Khu du lịch suối khoáng Mỹ Lâm, tỉnh Tuyên Quang	2011-2013		8.065,30	8.065,30	8.065,30	7.445,00	BQL các Khu du lịch tỉnh	
11	Dự án di dân khẩn cấp ra khỏi vùng thiên tai, đặc biệt khó khăn, di cư tự do thôn Ngòi Sen, Thàng 10, xã Yên Lâm, huyện Hàm Yên	2012-2015		32.016,00	32.016,00		28.900,00	UBND huyện Hàm Yên	
12	Hỗ trợ Đầu tư, tôn tạo xây dựng Di tích thành lập Chi bộ Mỏ Than (Chi bộ Đảng đầu tiên của tỉnh Tuyên Quang)	2018-2020		9.383,66	9.383,66		5.000,00	UBND - TPTQ	Vốn NS tỉnh hỗ trợ: 5.000 trđ
13	Dự án Đóng ô chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt tại Khu xử lý rác thải tại xã Nhữ Khê, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang.	2020-2021		7.064,80	7.064,80		5.000,00	UBND huyện Yên Sơn	Số vốn còn thiếu bố trí từ Quỹ bảo vệ MT
14	Hệ thống thu gom và xử lý nước thải Khu công nghiệp Long Bình An	2016-2019		58.153,59	58.153,59		52.500,00	BQL các khu CN tỉnh Tuyên Quang	
15	Dự án Hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư giải phóng mặt bằng khu vui chơi giải trí, nghỉ dưỡng công cộng thuộc khu du lịch suối khoáng Mỹ Lâm, xã Phú Lâm, huyện Yên Sơn (nay là phường Mỹ Lâm, thành phố Tuyên Quang); Năm 2022 bố trí vốn để hoàn trả kinh phí đã ứng trước của nhà đầu tư			19.183,20	19.183,20		17.547,00	UBND huyện Yên Sơn	Năm 2022 bố trí vốn để hoàn trả kinh phí đã ứng trước của nhà đầu tư: 6.820,794 trđ
16	Bảo vệ, bảo quản và phát huy giá trị bảo vật quốc gia Bia Bảo Ninh Sùng Phúc, xã Yên Nguyên, huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang.	2021-2022		3.269,24	3.269,24		2.400,00	Bảo tàng tỉnh	
17	Gia cố chống sạt lở bờ sông Khu tưởng niệm liệt sĩ ngành Tài chính tại xã Phúc Ninh, huyện Yên Sơn	2022		5.000,00	5.000,00		5.000,00	Sở Tài chính	
18	Nâng cấp cơ sở hạ tầng thị trấn Na Hang lên Thị xã Na Hang	2016-2020		170.000,00	156.111,25		150.409,00	UBND huyện Na Hang	
	<i>Trong đó:</i>								
	- Hạng mục xây dựng cải tạo, nâng cấp tuyến đường trục chính từ cổng trường cấp 3 Na Hang đến BQL đô thị (cũ)				108.278,00		108.278,00		
	- Hạng mục công trình Quảng trường và Nhà văn hóa thể thao				47.833,25		42.131,00		

STT	TÊN CÔNG TRÌNH	Thời gian KC - HT	Quy mô, năng lực thiết kế	Giá trị dự án được phê duyệt	Giá trị DT được phê duyệt	Giá trị quyết toán đã được phê duyệt	Vốn đã bố trí đến hết năm 2023	CHỦ ĐẦU TƯ	GHI CHÚ
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
(4)	Y tế:			524.745,99	522.745,97		482.933,42		
1	Xây dựng Bệnh viện Lao và bệnh Phổi Tuyên Quang (Địa điểm mới)	2011-2014	200 giường	268.898,85	268.898,82		268.890,00	Bệnh viện Lao và Phổi - TQ	Vốn TPCP
2	Nâng cấp, mở rộng Bệnh viện Y, Dược cổ truyền Tuyên Quang	2022-2023		72.453,00	72.453,00		69.300,00	Bệnh viện Y, Dược cổ truyền	
3	Xây dựng Bệnh viện đa khoa, huyện Lâm Bình	2013-2019		164.932,14	162.932,14		127.366,54	UBND huyện Lâm Bình	(đã PDQT: 26.800 trđ, Đang quyết toán các hạng mục còn lại)
4	Cải tạo, Sửa chữa trụ sở làm việc của Sở Y tế	2022-2023		4.962,00	4.962,00		4.400,00	Sở Y tế	
5	Cải tạo, sửa chữa Bệnh viện Đa khoa Kim Xuyên, huyện Sơn Dương	2022-2023		13.500,00	13.500,00		12.976,88	Ban QLDA ĐTXD các công trình Dân dụng và công nghiệp	
(5)	Quản lý Nhà nước + An ninh Quốc phòng:			1.051.016,23	1.009.898,54		756.063,59		
1	Nhà công vụ thuộc Dự án Xây dựng trung tâm chính trị - hành chính của huyện Lâm Bình	2019-2021		19.950,00	19.950,00		15.900,00	UBND huyện Lâm Bình	
2	Xây dựng trụ sở HĐND-UBND huyện Hàm Yên (tại địa điểm mới)	2017-2021		51.864,16	51.864,16		38.697,71	UBND huyện Hàm Yên	
3	Hỗ trợ đầu tư xây dựng Trụ sở Công an tỉnh Tuyên Quang (giai đoạn 2)	2016-2020		84.104,24	84.104,24			Công an tỉnh	
4	Khắc phục khẩn cấp tình trạng sạt lở bờ sông Lô khu vực bến Đát thuộc địa bàn phường Hưng Thành, phường Tân Quang, thành phố Tuyên Quang	2022-2023		14.800,00	14.800,00		14.800,00	BQL dự án ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT tỉnh TQ	
5	Dự án Kè bờ suối Nặm Chang bảo vệ khu trung tâm hành chính huyện Lâm Bình (Năm 2023 bố trí vốn để thanh toán khối lượng hoàn GĐ 3)			150.132,00	150.132,00		99.254,88	UBND huyện Lâm Bình	
6	Trụ sở làm việc của Đảng uỷ, HĐND, UBND xã Ngọc Hội, huyện Chiêm Hoá	2010-2011		4.592,58	4.592,58		4.100,00	UBND huyện CH	
7	Trụ sở UBND xã Đội Bình, huyện Yên Sơn	2021-2023		11.620,30	11.620,30		10.000,00	UBND huyện Yên Sơn	
8	Trụ sở UBND xã Tứ Quận, huyện Yên Sơn	2021-2023		14.998,00	14.998,00		10.000,00	UBND huyện Yên Sơn	
9	Trụ sở UBND xã Tân Tiến, huyện Yên Sơn	2021-2023		12.768,61	12.768,61		10.000,00	UBND huyện Yên Sơn	
10	Trụ sở UBND xã Quý Quân, huyện Yên Sơn	2021-2023		14.997,00	14.997,00		10.000,00	UBND huyện Yên Sơn	
11	Trụ sở UBND xã Công Đa, huyện Yên Sơn	2021-2023		11.771,14	11.771,14		10.000,00	UBND huyện Yên Sơn	
12	Trụ sở UBND xã Chân Sơn, huyện Yên Sơn	2021-2023		12.649,70	12.649,70		10.000,00	UBND huyện Yên Sơn	
13	Trụ sở UBND xã Đạo Viện, huyện Yên Sơn	2021-2023		12.717,62	12.717,62		10.000,00	UBND huyện Yên Sơn	
14	Trụ sở UBND xã Trung Sơn, huyện Yên Sơn	2021-2023		12.719,60	12.719,60		10.000,00	UBND huyện Yên Sơn	
15	Trụ sở UBND xã Kiến Thiết, huyện Yên Sơn	2021-2023		13.349,75	13.349,75		10.000,00	UBND huyện Yên Sơn	
16	Trụ sở UBND xã Nhữ Khê, huyện Yên Sơn	2021-2023		12.617,54	12.617,54		10.000,00	UBND huyện Yên Sơn	
17	Trụ sở UBND xã Lực Hành, huyện Yên Sơn	2021-2023		13.149,60	13.149,60		10.000,00	UBND huyện Yên Sơn	
18	Trụ sở UBND xã Lang Quán, huyện Yên Sơn	2021-2023		14.684,20	14.684,20		10.000,00	UBND huyện Yên Sơn	
19	Trụ sở UBND xã Tân Long, huyện Yên Sơn	2021-2023		12.344,41	12.344,41		10.000,00	UBND huyện Yên Sơn	

STT	TÊN CÔNG TRÌNH	Thời gian KC - HT	Quy mô, năng lực thiết kế	Giá trị dự án được phê duyệt	Giá trị DT được phê duyệt	Giá trị quyết toán đã được phê duyệt	Vốn đã bố trí đến hết năm 2023	CHỦ ĐẦU TƯ	GHI CHÚ
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
20	Trụ sở UBND xã Tri Phú, huyện Chiêm Hóa	2021-2023		13.356,61	13.356,61		10.000,00	UBND huyện Chiêm Hóa	
21	Trụ sở UBND xã Yên Lập, huyện Chiêm Hóa	2021-2023		13.316,06	13.316,06		10.000,00	UBND huyện Chiêm Hóa	
22	Trụ sở UBND xã Vinh Quang, huyện Chiêm Hóa	2021-2023		13.378,69	13.378,69		10.000,00	UBND huyện Chiêm Hóa	
23	Trụ sở UBND xã Tân Thịnh, huyện Chiêm Hóa	2021-2023		14.900,00	14.900,00		10.000,00	UBND huyện Chiêm Hóa	
24	Trụ sở UBND xã Phúc Sơn, huyện Lâm Bình	2021-2023		13.664,79	13.664,79		10.000,00	UBND huyện Lâm Bình	
25	Trụ sở UBND thị trấn Vĩnh Lộc, huyện Chiêm Hóa	2021-2023		14.900,00	14.900,00		10.000,00	UBND huyện Chiêm Hóa	
26	Trụ sở UBND Bình Nhân, huyện Chiêm Hóa	2021-2023		13.371,44	13.371,44		10.000,00	UBND huyện Chiêm Hóa	
27	Trụ sở UBND Phường Mỹ Lâm, TP. Tuyên Quang	2021-2023		21.755,00	21.755,00		10.000,00	UBND TP Tuyên Quang	
28	Trụ sở UBND xã Phúc Ứng, huyện Sơn Dương	2021-2023		10.000,00	10.000,00		9.825,29	UBND huyện Sơn Dương	
29	Cải tạo, sửa chữa Nhà làm việc Tỉnh ủy	2013-2014		2.178,67	2.178,67		2.100,00	VP Tỉnh ủy	
30	Cải tạo, sửa chữa Hội trường Tỉnh ủy			14.811,85	14.811,85		11.866,90	VP Tỉnh ủy	
31	Hội trường và công trình HT kỹ thuật của Huyện ủy, HĐND, UBND huyện Yên Sơn	2009-2013		82.222,48	81.683,45		79.709,80	UBND huyện Yên Sơn	
32	Sửa chữa, xây dựng bổ sung Nhà làm việc Sở VH TT & DL	2013-2015		14.992,47	14.992,47		14.172,00	Sở VH TT & DL	
33	Ứng dụng công nghệ thông tin đẩy mạnh phát triển Chính quyền điện tử tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2016-2020	2018-2021		46.251,00	43.000,00		30.000,00	Sở TT & TT	
34	Kho bảo quản vật chứng là vũ khí, vật liệu nổ	2019-2020		3.980,697	3.980,697		2.700,00	BCH Quân sự tỉnh	
35	Trụ sở UBND xã Bình Yên, huyện Sơn Dương	2021-2023		10.000,000	10.000,000		9.500,00	UBND huyện Sơn Dương	
36	Trụ sở UBND xã Phúc Ứng, huyện Sơn Dương	2021-2023		10.000,000	10.000,000		9.500,00	UBND huyện Sơn Dương	
37	Xây dựng Trụ sở làm việc Hạt kiểm lâm Yên Sơn	2020-2021		6.585,781	6.585,781		5.895,30	Hạt kiểm lâm huyện Yên Sơn	
38	Trụ sở UBND xã Bình Phú, huyện Chiêm Hóa	2017-2020		7.127,44	7.127,44		6.650,00	UBND huyện Chiêm Hóa	
39	Sửa chữa, cải tạo, mua sắm, thay thế các tài sản, công cụ, dụng cụ Nhà khách Kim Bình, Văn phòng Tỉnh ủy.	2020-2021		5.036,854	5.036,854		4.800,00	Văn phòng Tỉnh ủy	
40	Xây dựng nhà hội trường và các hạng mục phụ trợ của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh Tuyên Quang.	2020-2021		8.829,570	8.829,570		8.030,97	UBMT Tổ quốc tỉnh	
41	Xây dựng Trung tâm ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ tỉnh Tuyên Quang	2016-2020		45.373,870	45.373,870		42.000,00	Sở KH & CN	
42	Dự án Khu di tích xưởng Quân khí H52 (thôn Nà Tông, xã Thượng Lâm, huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang)	2022-2023		8.263,000	8.263,000		7.958,00	Bộ CHQS tỉnh	
43	Công trình A04 của tỉnh Tuyên Quang	2016-2018		49.184,26	49.184,26		48.602,76	Bộ CHQS tỉnh	
44	Cải tạo, nâng cấp Trung tâm huấn luyện dự bị động viên tỉnh Tuyên Quang	2014-2025		111.705,259	74.377,600		80.000,00	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	Dự án xin vốn Bộ, ngành TW
(6)	Giáo dục			205.893,28	202.864,16		193.045,11		

STT	TÊN CÔNG TRÌNH	Thời gian KC - HT	Quy mô, năng lực thiết kế	Giá trị dự án được phê duyệt	Giá trị DT được phê duyệt	Giá trị quyết toán đã được phê duyệt	Vốn đã bố trí đến hết năm 2023	CHỦ ĐẦU TƯ	GHI CHÚ
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1	Cải tạo, nâng cấp trường THPT Tân Trào, thành phố Tuyên Quang	2021-2023		5.222,29	5.222,29		5.100,00	Ban QLDA ĐTXD các công trình Dân dụng và công nghiệp	
2	Nhà lớp học các trường Mầm non, trường Tiểu học trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang sử dụng nguồn dự phòng 10% vốn TPCP giai đoạn 2017-2020	2020-2021		13.747,00	13.747,00		12.384,45	Ban QLDA ĐTXD các công trình Dân dụng và công nghiệp	Dự án sử dụng vốn TPCP (Dự án đã được PDQT: 13.657,88 trđ)
3	Xây dựng Nhà lớp học bộ môn và các hạng mục phụ trợ Trường THPT Xuân Vân, huyện Yên Sơn			12.533,29	12.533,29		12.544,93	BQL Dự án ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh TQ	Vốn ODA chương trình phát triển giáo dục trung học giai đoạn 2 (Vốn ADB); Đã PDQT: 12.736,17 trđ
4	Nhà hiệu bộ kết hợp phòng học Đa năng Trường THPT Na Hang	2016-2018		8.426,28	8.426,28		7.350,00	UBND huyện Na Hang	
5	Hạng mục Nhà thi đấu Đa năng thuộc Dự án ĐTXD công trình Trường Cao đẳng nghề Kỹ thuật - Công nghệ Tuyên Quang	2015-2016		7.983,70	7.983,70		7.295,80	Trường Cao đẳng nghề kỹ thuật - công nghệ TQ	
6	Xây dựng Trường THPT Xuân Vân huyện Yên Sơn	2008-2011		8.186,47	8.186,47		6.150,00	UBND huyện Yên Sơn	
7	Xây dựng trường phổ thông Dân tộc nội trú THCS, huyện Lâm Bình	2016-2020		53.211,6	50.182,52		48.806,18	UBND huyện Lâm Bình	
8	Trung tâm kỹ thuật tổng hợp hướng nghiệp tỉnh Tuyên Quang			9.382,62	9.382,62		9.167,43	Trung tâm Giáo dục thường xuyên - hướng nghiệp tỉnh	
9	San nền; Hạ tầng kỹ thuật; Trung tâm học liệu và thông tin thư viện Trường Đại học Tân Trào	2016-2020		80.000,00	80.000,00		77.246,31	Trường Đại học Tân Trào	
10	Xây dựng Khoa Dân tộc nội trú Trường Cao đẳng nghề kỹ thuật - công nghệ Tuyên Quang (Hạng mục nhà ký túc xá học sinh, sinh viên)	2018-2022		7.200,00	7.200,00		7.000,00	Trường Cao đẳng nghề kỹ thuật - công nghệ Tuyên Quang	CTMT giáo dục nghề nghiệp - việc làm và an toàn lao động
	Xây dựng nhà lớp học 02 tầng; nhà bán trú; phòng học chức năng và các hạng mục phụ trợ trường PTDT bán trú THCS Hùng Lợi, huyện Yên Sơn	2021-2023		22.000,00	22.000,00		20.884,36	UBND huyện Yên Sơn	
(7)	Quy hoạch sử dụng đất cấp huyện			32.669,33	32.669,33		29.437,49		
1	Quy hoạch sử dụng đất huyện Lâm bình	2020		1.381,15	1.381,15		1.381,00	UBND huyện Lâm Bình	
2	Quy hoạch, xây dựng mở rộng khu xử lý rác thải tại xã Nhữ Khê, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang	2019-2022		28.553,42	28.553,42		25.682,49	UBND huyện Yên Sơn	
3	Quy hoạch sử dụng đất huyện Yên Sơn	2020		2.734,75	2.734,75		2.374,00	UBND huyện Yên Sơn	
(8)	Công trình sử dụng vốn ODA			1.512.881,42	1.118.141,71	182.226,68	1.161.137,22		
1	Dự án cấp điện nông thôn từ lưới điện Quốc gia tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2018-2020 - do EU tài trợ			164.561,00	147.266,95		140.000,00	Sở Công thương	
2	Dự án sửa chữa và nâng cao an toàn đập (WB8)			251.660,00	251.660,00		214.703,41	BQL dự án ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Công trình đang quyết toán hạng mục
3	Chương trình Mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả (Vốn WB)	2016-2023		253.373,42			174.771,73	Trung tâm NS&VSMNT; Sở GD&ĐT, Trung tâm KSBT tỉnh	
4	Chương trình đô thị miền núi phía Bắc - Thành phố Tuyên Quang (Vốn WB)	2015-2020		843.287,00	719.214,76	182.226,68	631.662,08	UBND - TPTQ	Công trình đang quyết toán hạng mục
	Thi công xây dựng các hạng mục đầu tư giai đoạn 1 (2015-2016)	2015-2016		167.664,68	172.890,80	155.749,42	155.050,00		
	Thi công xây dựng các hạng mục đầu tư giai đoạn 2	2017-2020		701.167,87	546.323,96	26.477,26	476.612,08	UBND huyện Na Hang	